



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

16/12/2024 – 20/12/2024

Khối Nghiên cứu




MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

TÂM LÝ THẬN TRỌNG, DÒNG TIỀN DỊCH CHUYỂN SANG NHÓM PENNY

- Chứng khoán Mỹ và Châu Âu điều chỉnh trước cuộc họp cuối cùng của Fed trong năm nay, trong khi đó các thị trường Châu Á tiếp tục duy trì đà tăng như: Nhật Bản, Hồng Kông, Ấn độ. Đáng chú ý là sự phục hồi của chứng khoán Hàn Quốc sau khi Bộ Tài chính nước này đã cam kết sẽ huy động mọi biện pháp có thể để ổn định thị trường tài chính và tiền tệ, bao gồm cả việc bơm thanh khoản không giới hạn.
- Cuộc họp cuối cùng của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trong năm 2024 đang được giới đầu tư đặc biệt quan tâm. Diễn biến của cuộc họp này không chỉ định hình xu hướng thị trường những ngày còn lại của năm 2024 mà còn hé lộ những kỳ vọng cho năm 2025.
- Nhịp phục hồi 3 tuần liên tiếp của chỉ số Vn-Index chững lại trong tuần vừa qua khi không có sự đồng thuận từ nhóm bluechips, chốt tuần ở 1.262,57 điểm, giảm -7,57 điểm, tương đương sụt -0,6% so với tuần trước. Một số nhóm cổ phiếu ngược dòng thị trường nằm ở nhóm vốn hóa nhỏ như: Du lịch, Bảo hiểm, Dược phẩm, Dệt may, Thủy sản, v.v... Khóị ngoại tuần vừa quay lại bán ròng mạnh -1.322 tỷ đồng sau khi đã mua ròng trở lại và giảm đà bán ròng ở 2 tuần trước.
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 16.071 tỷ đồng, giảm -10,2% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng giảm -14,7% còn 12.864 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 12 đạt 16.982 tỷ đồng, tăng +7,6% so với tháng 11 nhưng vẫn thấp hơn -8,3% svck. Lũy kế từ đầu năm đạt gần 21.525 tỷ đồng, tăng +22,9% so với năm 2023.
- Về kỹ thuật, nhịp phục hồi 3 tuần liên tiếp của chỉ số Vn-Index bị ngắt mạch sau khi không vượt qua ngưỡng 1.276 điểm. Tuy vậy, biên độ dao động và mức điều chỉnh trong tuần vừa qua (-7,5 điểm) là tương đối nhẹ so với mức tăng gần +20 điểm. Bên cạnh đó, dù giảm 4/5 phiên ở tuần vừa qua nhưng chỉ số Vn-Index vẫn trụ vững trên các đường trung bình (MA50, MA100, MA200) ở khu vực 1.256 điểm. Kịch bản cơ bản trong tuần này là thị trường tiếp tục đi ngang trên ngưỡng hỗ trợ này (1.256 điểm) trong bối cảnh nhà đầu tư chờ đợi tín hiệu từ các sự kiện tác động đến thị trường như: Cuộc họp cuối cùng của Fed, phiên đáo hạn phái sinh tháng 12 và các quỹ ETF cơ cấu.
- Chúng tôi cho rằng các nhóm cổ phiếu/cổ phiếu có triển vọng ở giai đoạn thị trường phục hồi ở thời điểm hiện tại như: Nhóm cổ phiếu công nghệ, viễn thông, Hóa chất/phân bón, Xuất khẩu (dệt may, thủy sản), BĐS KCN, Cảng biển/Logistics.

Các sự kiện chính trong tuần này (16/12 – 20/12)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
<p>16</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhật Bản: Chỉ số PMI dịch vụ sơ bộ (tháng 12) Châu Âu: Chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ sơ bộ (tháng 12) Anh: Chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ sơ bộ (tháng 12) Mỹ: Chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ sơ bộ (tháng 12)	<p>17</p> <ul style="list-style-type: none"> Mỹ: Doanh số bán lẻ (tháng 11) Canada: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 11)	<p>18</p> <ul style="list-style-type: none"> Anh: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 11) Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 11)	<p>19</p> <ul style="list-style-type: none"> Mỹ: Quyết định lãi suất của Fed Mỹ: Tăng trưởng GDP (Q3) Anh: Quyết định lãi suất của BoE Nhật Bản: Quyết định lãi suất của BoJ	<p>20</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhật Bản: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 11) Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan (tháng 12)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	866.14	-0.87%	2.79%	19.14%	20.89%
Dow Jones	43,828.06	-1.82%	0.88%	16.29%	17.49%
S&P 500	6,051.10	-0.64%	3.07%	26.86%	28.22%
Europe	516.46	-0.77%	2.65%	7.82%	8.36%
Japanese	39,490.50	1.02%	2.19%	18.01%	19.78%
Korea	2,494.46	2.73%	3.21%	-6.06%	-2.70%
China	3,391.88	-0.36%	1.84%	14.02%	15.27%
HongKong	19,971.24	0.53%	2.80%	17.15%	18.93%
Taiwan	23,020.48	-0.74%	1.22%	28.39%	30.25%
Indian	24,768.30	0.37%	5.25%	13.97%	15.43%
Singapore	3,810.35	0.37%	1.75%	17.59%	22.26%
Malaysia	1,608.75	-0.28%	1.02%	10.59%	10.00%
Indonesia	7,324.79	-0.79%	2.28%	0.71%	1.86%
Thailand	1,431.67	-1.40%	-0.76%	1.12%	2.92%
Philippine	6,616.51	-1.67%	-0.90%	2.58%	2.13%
Vietnam	1,262.57	-0.60%	3.61%	11.74%	14.54%
Brent Oil	74.49	4.74%	5.24%	-3.15%	-2.96%
Crude Oil WTI	71.29	6.09%	6.37%	-0.50%	-0.20%
Gold	2,675.80	0.61%	3.17%	27.92%	30.20%
S&P 500 VIX	13.81	8.14%	-14.44%	10.92%	12.46%
Dollar Index	106.68	0.89%	0.40%	5.91%	4.40%
U.S. 10Y	4.39	5.93%	-1.13%	13.66%	12.24%
U.S. 2Y	4.24	3.60%	-1.47%	-0.16%	-4.63%

Nguồn: Update 15/12, Investing, MBS Research

- Trên thị trường Mỹ, chỉ số Dow Jones chốt tuần bằng phiên giảm thứ 7 liên tiếp, đánh dấu chuỗi phiên giảm dài nhất kể từ năm 2020, một phần do tâm lý thận trọng của nhà đầu tư về lãi suất trước thêm cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vào tuần này.
- Tâm lý của nhà đầu tư cổ phiếu ở Phố Wall đang bấp bênh trước thêm cuộc họp chính sách tiền tệ cuối cùng trong năm 2024 của Fed dự kiến diễn ra vào ngày 17-18/12. Thị trường đang lo ngại rằng sau khi Fed hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp này, Chủ tịch Fed Jerome Powell sẽ phát tín hiệu tạm dừng nới lỏng chính sách tiền tệ.
- Giá vàng giảm vào ngày thứ Sáu (13/12), sau khi đạt mức cao nhất trong hơn 5 tuần ở phiên trước đó, và khi đồng USD tăng, tuy nhiên, giá vàng vẫn ghi nhận mức tăng trong tuần này do kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) hạ lãi suất vào tuần tới.
- Chỉ số Dollar Index đo sức mạnh của bạc xanh so với một rổ gồm 6 đồng tiền chủ chốt khác chốt tuần ở mức 106,95 điểm, tăng 0,84% trong cả tuần, phản ánh khả năng Fed giữ lãi suất cao hơn lâu hơn.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu Brent tăng 4,7% và giá dầu WTI tăng 6,1%, lên mức cao nhất trong 3 tuần, với kỳ vọng rằng các lệnh trừng phạt bổ sung đối với Nga và Iran có thể làm thắt chặt nguồn cung.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chỉ số chứng khoán toàn cầu giảm 4/5 phiên từ đỉnh



Dow Jones giảm phiên thứ 7 liên tiếp



Chứng khoán Châu Âu cũng giảm dù ECB hạ lãi suất

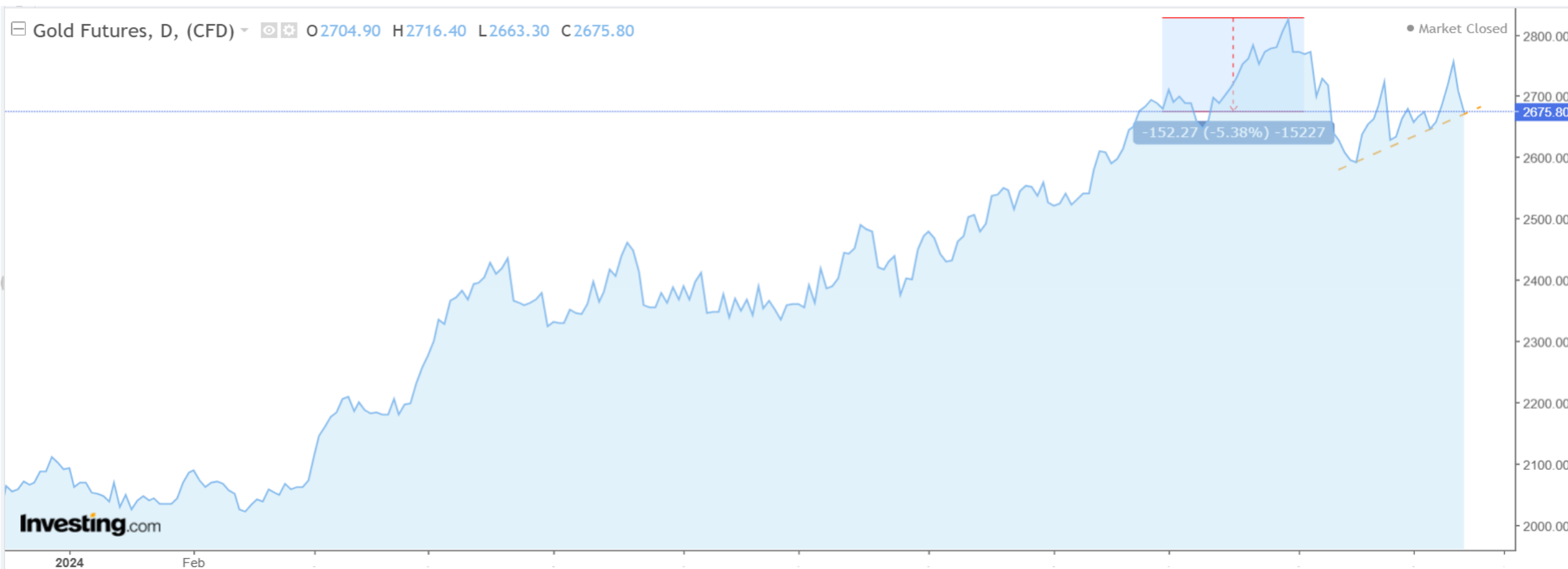


Chứng khoán Hàn Quốc phục hồi giữa bối cảnh biến động chính trị



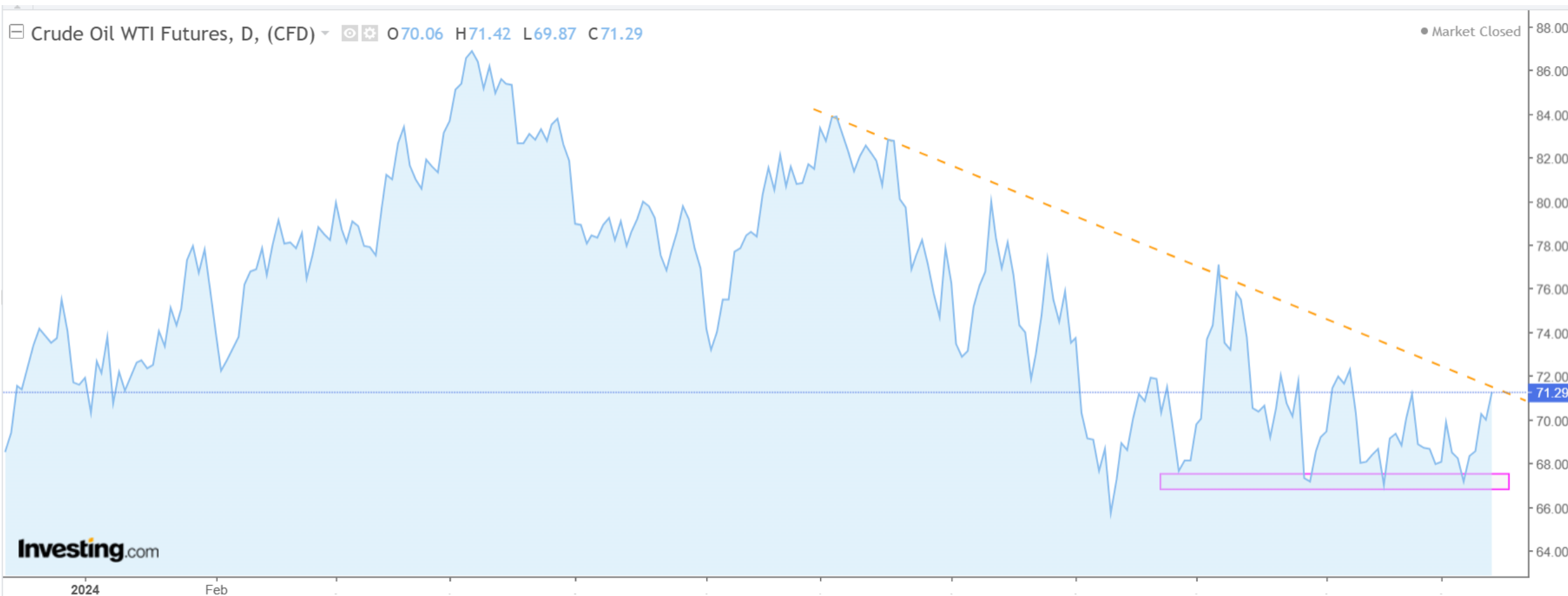
Năm 2024 đã trở thành một năm đáng nhớ của thị trường vàng thế giới với 40 lần lập kỷ lục và mức tăng ấn tượng hơn 28%

Nhìn lại năm 2024, thị trường vàng đã chứng kiến những diễn biến chưa từng có tiền lệ. Giá vàng thiết lập đỉnh cao mới 2,826.30 USD/oz vào cuối tháng 10, mặc dù có đợt điều chỉnh ngắn và mạnh sau chiến thắng của Donald Trump trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ đầu tháng 11, giá vàng vẫn duy trì mức tăng ấn tượng gần 28% từ đầu năm. Theo báo cáo triển vọng năm 2025 của Hội đồng Vàng Thế giới (WGC), nếu nền kinh tế diễn biến theo đúng kỳ vọng của thị trường, giá vàng sẽ duy trì đà tăng nhưng với tốc độ khiêm tốn hơn so với năm 2024. Nhu cầu từ châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ - hai thị trường vàng lớn nhất thế giới, tiếp tục đóng vai trò then chốt. Trong khi đó, hoạt động mua vào của ngân hàng trung ương dự kiến vẫn là động lực cốt lõi cho giá vàng.



Giá dầu tăng 5-6% trong tuần vừa qua, dầu Brent chốt tuần cao nhất từ 22/11, trong khi dầu WTI cao nhất từ 7/11

Giá dầu tăng do kỳ vọng các biện pháp trừng phạt đối với Nga và Iran sẽ thắt chặt, trong khi Trung Quốc tiếp tục đưa ra chủ trương kích thích kinh tế, tình hình Trung Đông còn căng thẳng và Mỹ nhiều khả năng sẽ giảm lãi suất vào tuần này. Dữ liệu của Trung Quốc trong tuần vừa qua cho thấy kim ngạch nhập khẩu dầu thô của nước này trong tháng 11 đã tăng so với năm trước, lần đầu tiên trong 7 tháng. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã nâng dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu trong năm 2025 lên 1.1 triệu thùng/ngày từ mức 990,000 thùng/ngày đã dự báo vào tháng trước, lí do nhờ các biện pháp kích thích kinh tế của Trung Quốc.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



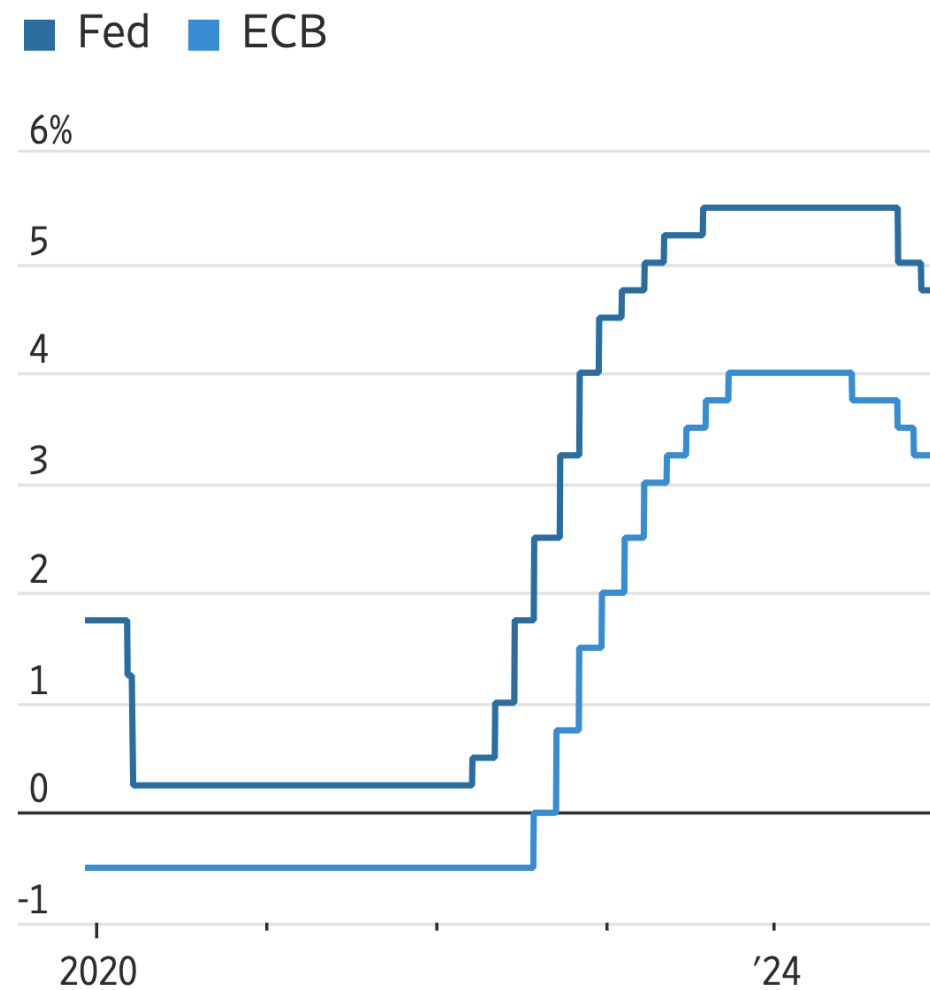
ECB hạ lãi suất lần thứ tư, bi quan về triển vọng tăng trưởng kinh tế châu Âu

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 12/12 hạ lãi suất về mức 3%, đồng thời giảm bớt mức độ cứng rắn trong thông điệp chính sách tiền tệ và cảnh báo rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực eurozone trong thời gian tới có thể sẽ không đạt kỳ vọng.

Đây là lần cắt giảm lãi suất thứ tư của ECB kể từ khi cơ quan này khởi động chu kỳ nới lỏng vào tháng 6 năm nay. Mức giảm 0,25 điểm phần trăm - không nằm ngoài dự báo - đưa lãi suất tiền gửi tham chiếu của ECB về ngưỡng thấp nhất kể từ tháng 3/2023.

Lần họp này, ECB cảnh báo tổng sản phẩm trong nước (GDP) của eurozone có thể chỉ tăng trưởng 1,1% trong năm 2025, thấp hơn mức dự báo tăng 1,3% đưa ra hồi tháng 9. ECB cũng hạ 0,1 điểm phần trăm dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực năm 2026 về mức 1,4%. Thậm chí, ECB còn bi quan hơn về năm 2027, cho rằng eurozone chỉ tăng trưởng 1,3% trong năm đó.

Tuyên bố sau lần họp này của ECB không còn đưa ra cam kết “giữ lãi suất ở mức đủ thắt chặt trong thời gian đủ dài” để đưa lạm phát về mục tiêu 2% như những lần họp trước. Thay vào đó, tuyên bố nhấn mạnh rằng “hiệu ứng của chính sách tiền tệ thắt chặt” sẽ “giảm dần” theo thời gian.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

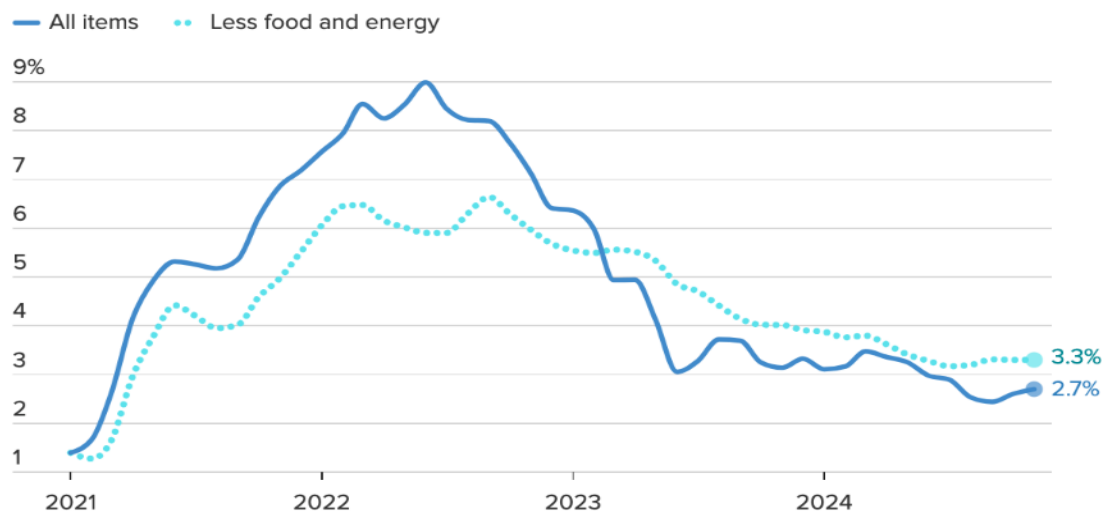
Lạm phát ở Mỹ đang có chiều hướng chững lại trên mức mục tiêu 2% mà Fed đề ra

Thống kê đến từ Bộ Lao động Mỹ cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 tăng 0,3% so với tháng 10 và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Không tính hai nhóm hàng hóa có nhiều biến động là thực phẩm và năng lượng, CPI lõi tăng 0,3% trên cơ sở tháng và tăng 3,3% trên cơ sở năm. Điều này cho thấy áp lực lạm phát đang lan rộng ra nhiều nhóm hàng hóa và dịch vụ khác trong nền kinh tế.

Trong khi đó, chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 11 của Mỹ tăng mạnh hơn dự báo. PPI tổng thể tăng 3,0% trong 12 tháng qua, cao hơn so với sự báo 2,6%. PPI cốt lõi tăng 3,4% trong 12 tháng qua, tăng so với mức dự báo 3,2%

U.S. consumer price index

Year-over-year percent change | Jan. 2021–Nov. 2024



Note: Not seasonally adjusted
Source: U.S. Bureau of Labor Statistics
Data as of Dec. 11, 2024



FDIUFDYO Index (US PPI Final Demand YoY NSA) PPI Monthly 01JAN2010-30NOV2024 Copyright© 2024 Bloomberg Finance L.P. 12-Dec-2024 08:34:12

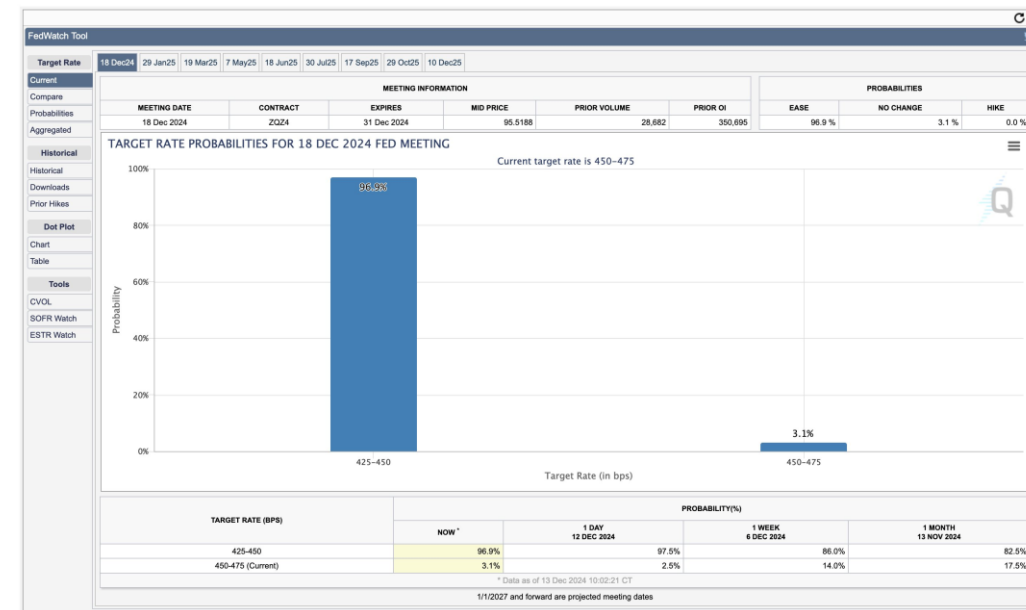
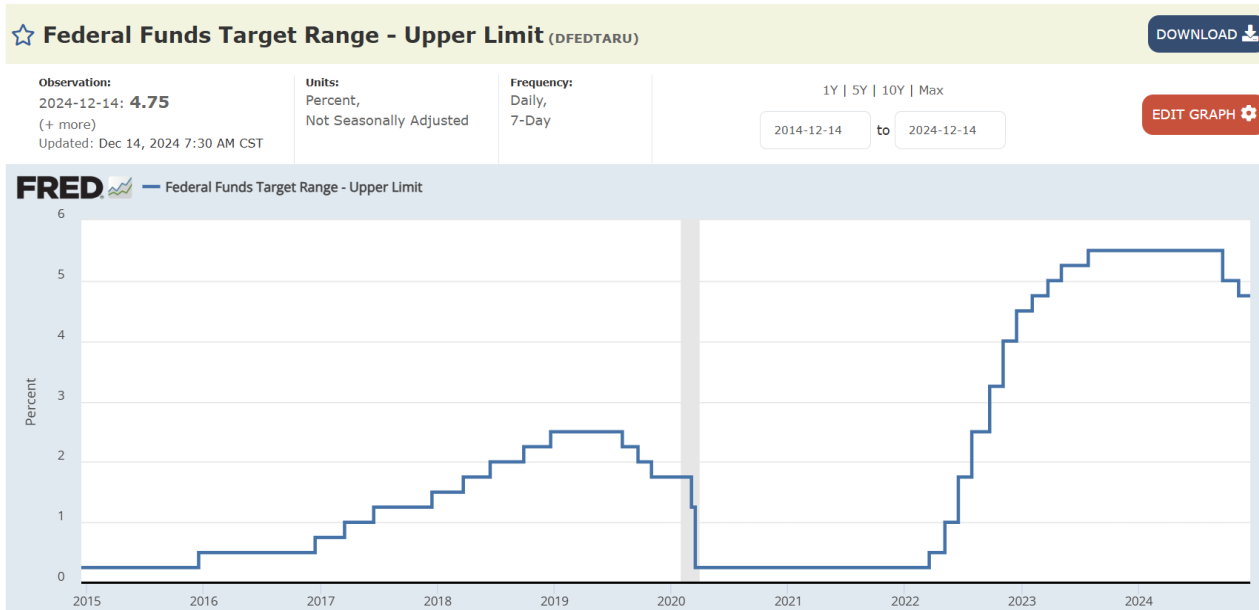
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Cuộc họp cuối cùng của Fed sẽ định hình thị trường năm 2025?

Phố Wall dường như đã nắm chắc kịch bản sau cuộc họp Fed ngày 17-18/12. Theo dữ liệu từ thị trường hợp đồng tương lai, xác suất Fed hạ lãi suất cơ bản 0.25 điểm phần trăm xuống mức mục tiêu từ 4.25%-4.5% lên tới 97%. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý của cuộc họp nằm ở bản tóm tắt dự báo kinh tế hàng quý. Báo cáo này sẽ cho thấy cách các nhà hoạch định chính sách đánh giá về lạm phát và thị trường việc làm trong năm tới, cũng như triển vọng tiếp tục cắt giảm lãi suất. Đặc biệt, giới đầu tư đang tập trung vào dot-plot - biểu đồ thể hiện dự báo lãi suất của các thành viên Fed.

Công cụ FedWatch của CME Group cho thấy thị trường đang đồng thuận về việc Fed sẽ đưa ra mức cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản vào tuần tới, nhưng các nhà giao dịch cũng đang hạn chế kỳ vọng vào các đợt cắt giảm lãi suất tiếp theo vào nửa cuối năm sau.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Làn sóng hạ lãi suất toàn cầu theo Fed

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã cắt giảm lãi suất 2 lần trong năm 2024, lần lượt vào tháng 9 (0,5%) và tháng 11 (0,25%) và nhiều khả năng khép lại năm 2024 với lần cắt giảm thứ 3 vào tháng 12 (0,25%).

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 12/12 hạ lãi suất về mức 3%, đây là lần cắt giảm lãi suất thứ tư của ECB kể từ khi cơ quan này khởi động chu kỳ nới lỏng vào tháng 6 năm nay. Giới đầu tư kỳ vọng trong năm 2025, ECB sẽ giảm lãi suất nhiều hơn Fed, vì tăng trưởng kinh tế eurozone được cho là sẽ tụt hậu so với Mỹ. Trên thị trường hoán đổi, các nhà giao dịch không thay đổi đặt cược sau quyết định lãi suất của ECB. Họ tiếp tục kỳ vọng từ nay đến tháng 9/2025, ECB sẽ giảm lãi suất thêm 5 lần, mỗi lần giảm 0,25 điểm phần trăm. Như vậy, lãi suất tiền gửi tham chiếu của ECB sẽ về mức 1,75%.

Thêm một ngân hàng trung ương lớn cắt giảm lãi suất hơn mức dự báo khi cùng ngày 12/12, Ngân hàng Trung ương Thụy Sĩ (SNB) giảm một nửa lãi suất chính sách - mức giảm mạnh hơn kỳ vọng - đưa lãi suất này về mức 0,5%. Thông báo cho biết quyết định hạ lãi suất chính xuống còn 0,5%, lần cắt giảm thứ tư kể từ tháng 3 vừa qua.

Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đã giảm lãi suất một lần trong năm 2024, với mức cắt giảm 0,25 điểm phần trăm đưa lãi suất xuống 4,75%. Quyết định này được đưa ra trong bối cảnh lạm phát tại Anh giảm xuống mức gần mục tiêu 2% và áp lực kinh tế tăng trưởng chậm lại

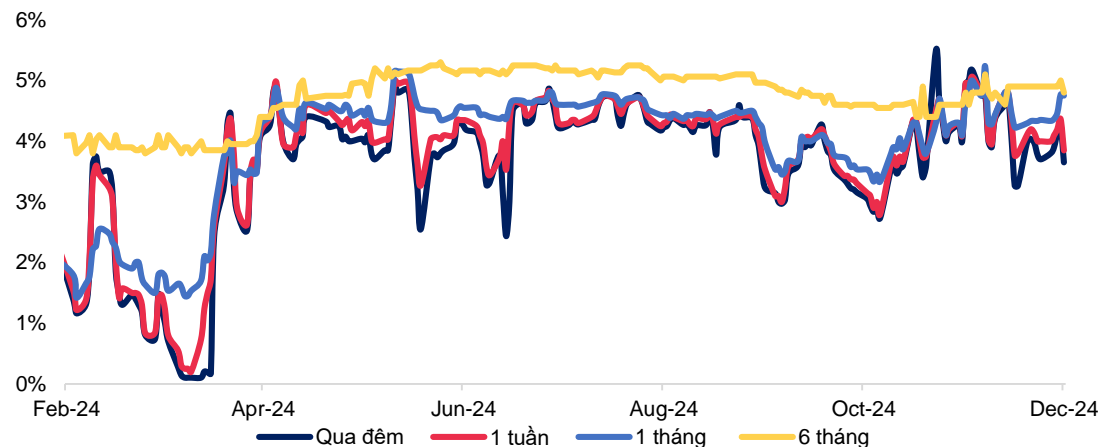
Ngoài Fed, ECB và BoE, các NHTW khác cũng hạ lãi suất như: Hồng Kông, Peru, Ả Rập Xê út, Qatar, Bahrain, New Zealand, Đan Mạch, .v.v...

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Japan	Policy Rate Bal	0.25%	2.3%	-2.1%	Lower	Hike	Jul-24
Switzerland	Target Rate	0.50%	0.7%	-0.2%	Higher	Cut	Dec-24
Taiwan	Discount Rate	2.00%	2.1%	-0.1%	Higher	Hike	Mar-24
Thailand	Policy Rate	2.25%	1.0%	1.3%	Higher	Cut	Oct-24
Denmark	Deposit Rate	2.60%	1.6%	1.0%	Unchanged	Cut	Dec-24
Sweden	Repo Rate	2.75%	1.6%	1.2%	Unchanged	Cut	Nov-24
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.9%	1.1%	Higher	Hike	May-23
South Korea	Repo Rate	3.00%	1.5%	1.5%	Higher	Cut	Nov-24
Eurozone	Deposit Rate	3.00%	2.3%	0.7%	Higher	Cut	Dec-24
China	Loan Prime Rate	3.10%	0.2%	2.9%	Lower	Cut	Oct-24
Canada	Overnight	3.25%	2.0%	1.3%	Higher	Cut	Dec-24
Czech Republic	Repo Rate	4.00%	2.8%	1.2%	Unchanged	Cut	Nov-24
New Zealand	Cash Rate	4.25%	2.2%	2.1%	Lower	Cut	Nov-24
Australia	Cash Rate	4.35%	2.1%	2.3%	Unchanged	Hike	Nov-23
Norway	Deposit Rate	4.50%	2.4%	2.1%	Lower	Hike	Dec-23
US	Fed Funds	4.63%	2.7%	1.9%	Higher	Cut	Nov-24
UK	Bank Rate	4.75%	2.3%	2.5%	Lower	Cut	Nov-24
Hong Kong	Base Rate	5.00%	1.4%	3.6%	Lower	Cut	Nov-24
Peru	Policy Rate	5.00%	2.3%	2.7%	Higher	Cut	Nov-24
Chile	Base Rate	5.25%	4.2%	1.1%	Lower	Cut	Oct-24
Saudi Arabia	Repo Rate	5.25%	1.9%	3.4%	Higher	Cut	Nov-24
Poland	Repo Rate	5.75%	4.6%	1.2%	Lower	Cut	Oct-23
Indonesia	Repo Rate	6.00%	1.6%	4.5%	Lower	Cut	Sep-24
Philippines	Key Policy Rate	6.00%	2.5%	3.5%	Higher	Cut	Oct-24
India	Repo Rate	6.50%	5.5%	1.0%	Lower	Hike	Feb-23
South Africa	Repo Rate	7.75%	2.8%	5.0%	Lower	Cut	Nov-24
Colombia	Repo Rate	9.75%	5.2%	4.6%	Lower	Cut	Oct-24
Mexico	Overnight Rate	10.25%	4.6%	5.7%	Higher	Cut	Nov-24
Brazil	Target Rate	12.25%	4.9%	7.4%	Higher	Hike	Dec-24
Russia	Key Policy Rate	21.00%	8.9%	12.1%	Higher	Hike	Oct-24
Argentina	Overnight Repo	32.00%	166.0%	-134.0%	Lower	Cut	Dec-24
Turkey	Repo Rate	50.00%	47.1%	2.9%	Lower	Hike	Oct-24

Lãi suất

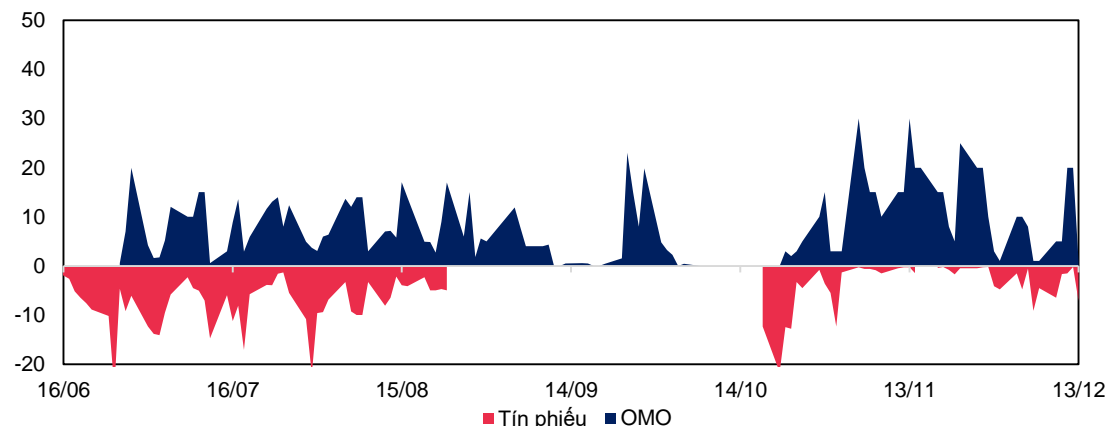
- Tuần vừa rồi, NHNN tiếp tục sử dụng linh hoạt hai kênh OMO và phát hành tín phiếu nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống. Trong đó, tổng trị giá tín phiếu phát hành ước đạt gần 17 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 14 -28 ngày, lãi suất 4%. Song song với đó, NHNN vẫn tiếp tục bơm vốn qua kênh OMO với giá trị đạt khoảng 51 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%. Chúng tôi ước tính khoảng 16 nghìn tỷ đồng tín phiếu sẽ đáo hạn trong tuần tới.
- Lãi suất liên ngân hàng khá ổn định so với cuối tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm hiện đang ở mức 3.7%. Các kỳ hạn dưới 1 tháng dao động trong khoảng 3.9% - 4%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng hiện đang giao dịch ở mức 4.8%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

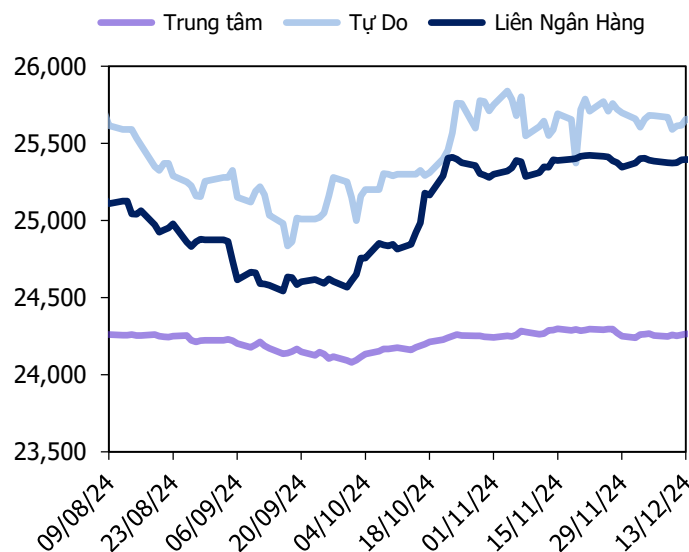


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

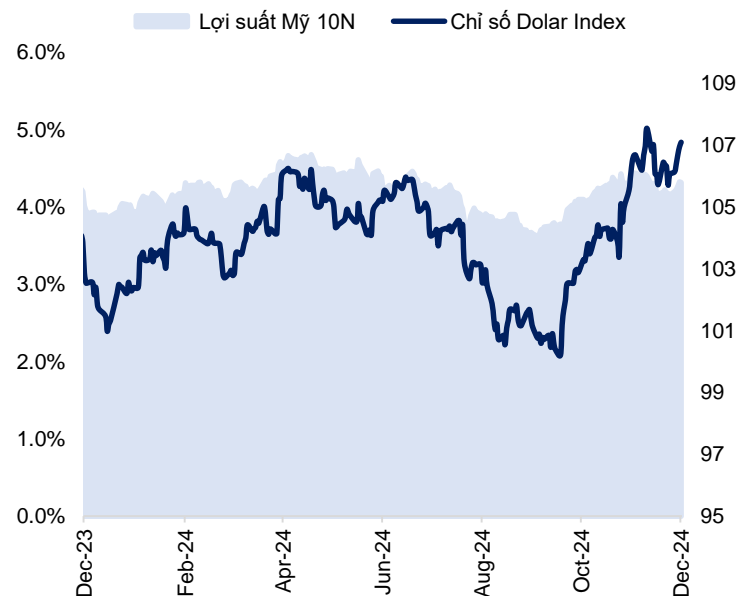
Chỉ số DXY có xu hướng tăng trở lại trong tuần vừa qua, hiện đang ở mức 107,1. Dữ liệu CPI tháng 11 của Mỹ cho thấy lạm phát vẫn xa mục tiêu 2% khi tăng 2.7% svck và tăng 0.3% so với tháng trước - mức tăng lớn nhất kể từ tháng 4. Qua đó, cho thấy việc kiểm soát lạm phát vẫn là vấn đề lớn đối với các nhà hoạch định chính sách Fed và khả năng Fed sẽ giảm tốc độ giảm lãi suất trong năm sau. Thêm vào đó, Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) cũng vừa cắt giảm lãi suất lần thứ 4 trong năm nay, hạ lãi suất xuống mức 3% và nới rộng khoảng cách với lãi suất tại Mỹ. Do đó, việc Fed giảm lãi suất từ từ sẽ khiến lãi suất của Mỹ tiếp tục cao hơn đáng kể so với các quốc gia khác và giúp tăng nhu cầu về USD. Theo đó, những yếu tố này đã giúp củng cố thêm cho sức mạnh của Đồng bạc xanh trong tuần qua. Tỷ giá liên ngân hàng tăng nhẹ trong tuần lên mức 25,395 VND/USD. Tỷ giá tại thị trường tự do hiện đang giao dịch tại 25,600 VND/USD, trong khi tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24,264 VND/USD.

Tỷ giá USD/VND



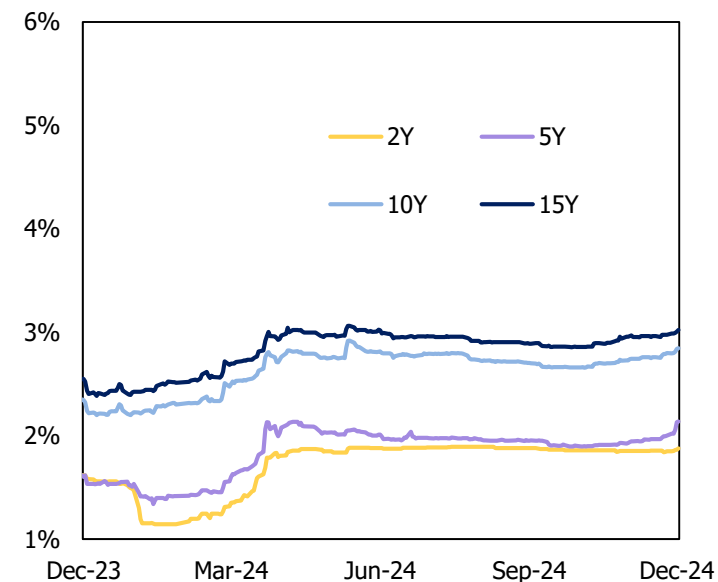
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

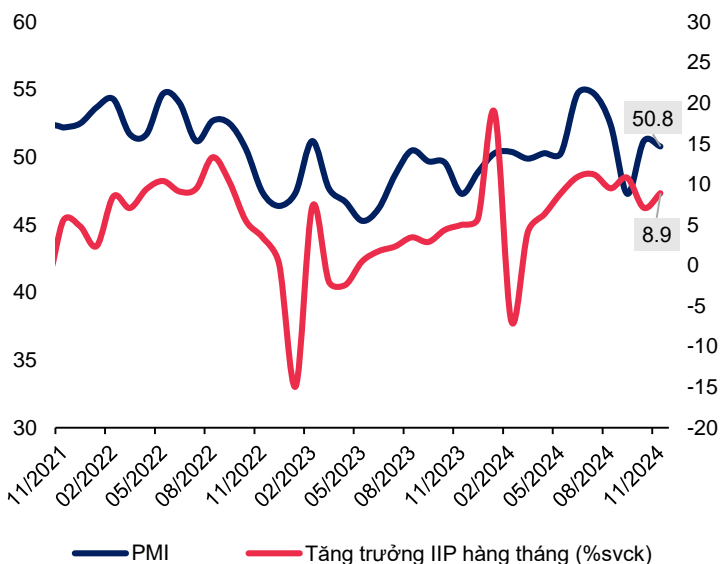


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

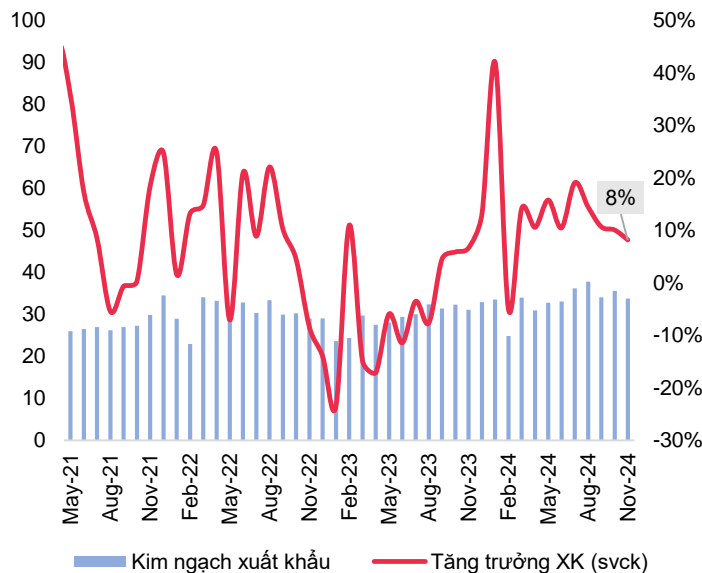
- Trong T11/24, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 33.73 tỷ USD, tăng 8.2% svck. Nhiều mặt hàng của Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh như: Xơ, sợi dệt các loại (+68.7% svck), hạt tiêu (+37.3% svck), sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ (+33.8% svck). Xuất khẩu tiếp tục duy trì đà tăng nhờ sự cải thiện trong nhu cầu tiêu dùng khi dần bước vào mùa lễ hội cuối năm. Theo đó, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T11/24 ước tăng 2.3% mom và tăng 8.9% svck.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8.8% svck trong tháng 11. Tính chung 11 tháng 2024, tổng mức bán lẻ tăng 8.8% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng tăng 5.8% svck, thấp hơn mức 8% giai đoạn trước Covid-19 cho thấy tiêu dùng nội địa vẫn còn yếu.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



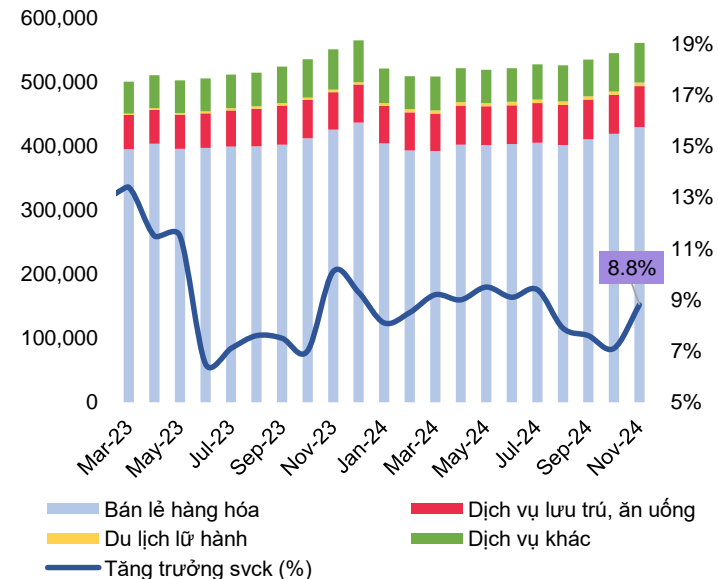
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

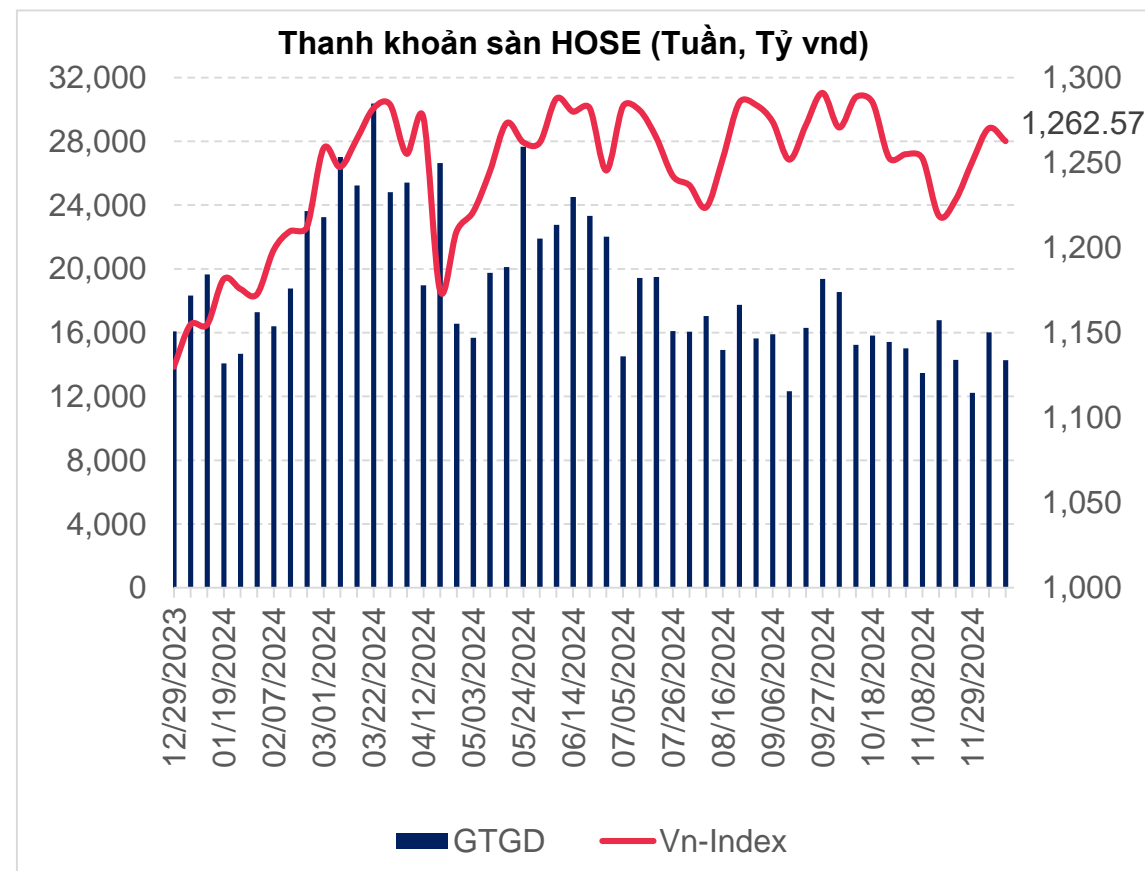
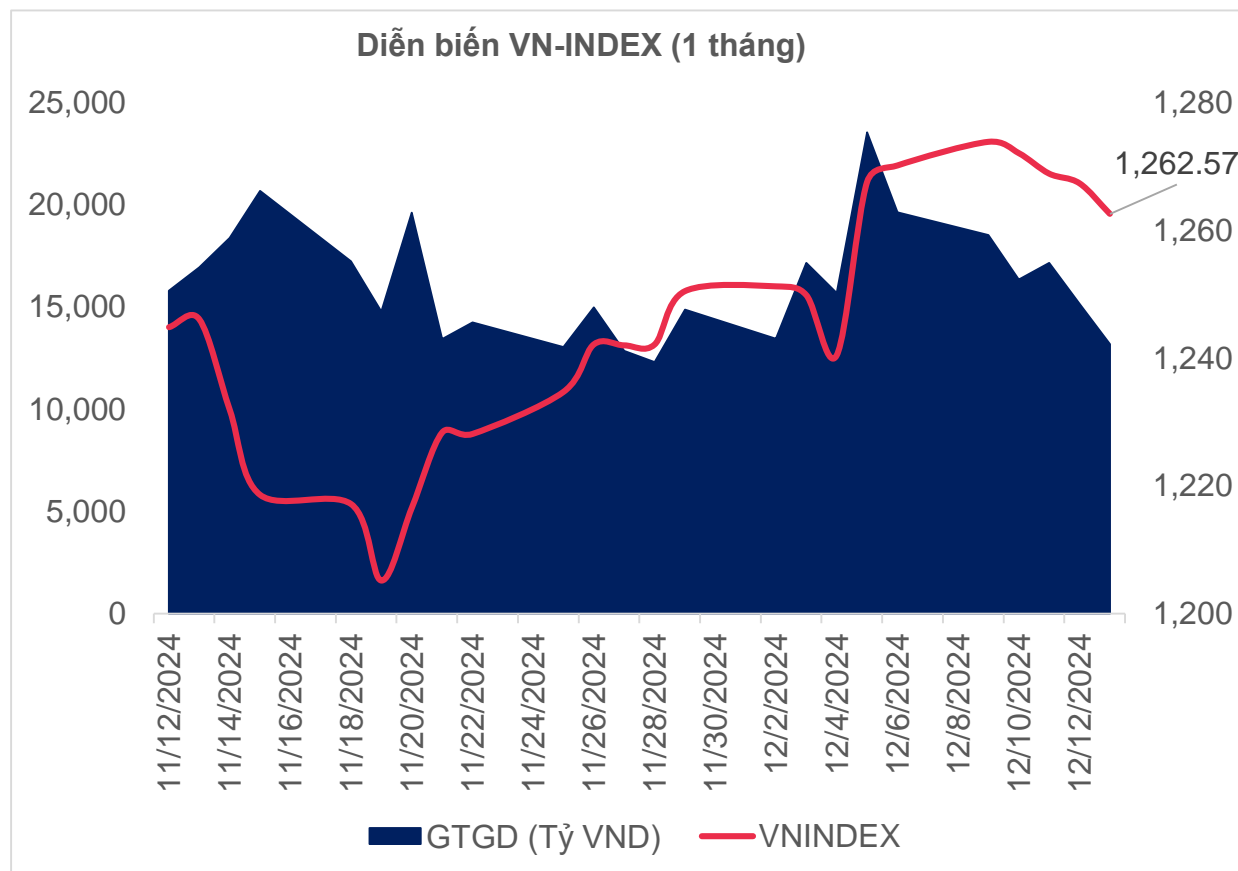
Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Nghìn tỷ USD)



Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Vn-Index đã không chạm tới ngưỡng 1.280 điểm sau 3 tuần tăng liên tiếp, thanh khoản cũng giảm

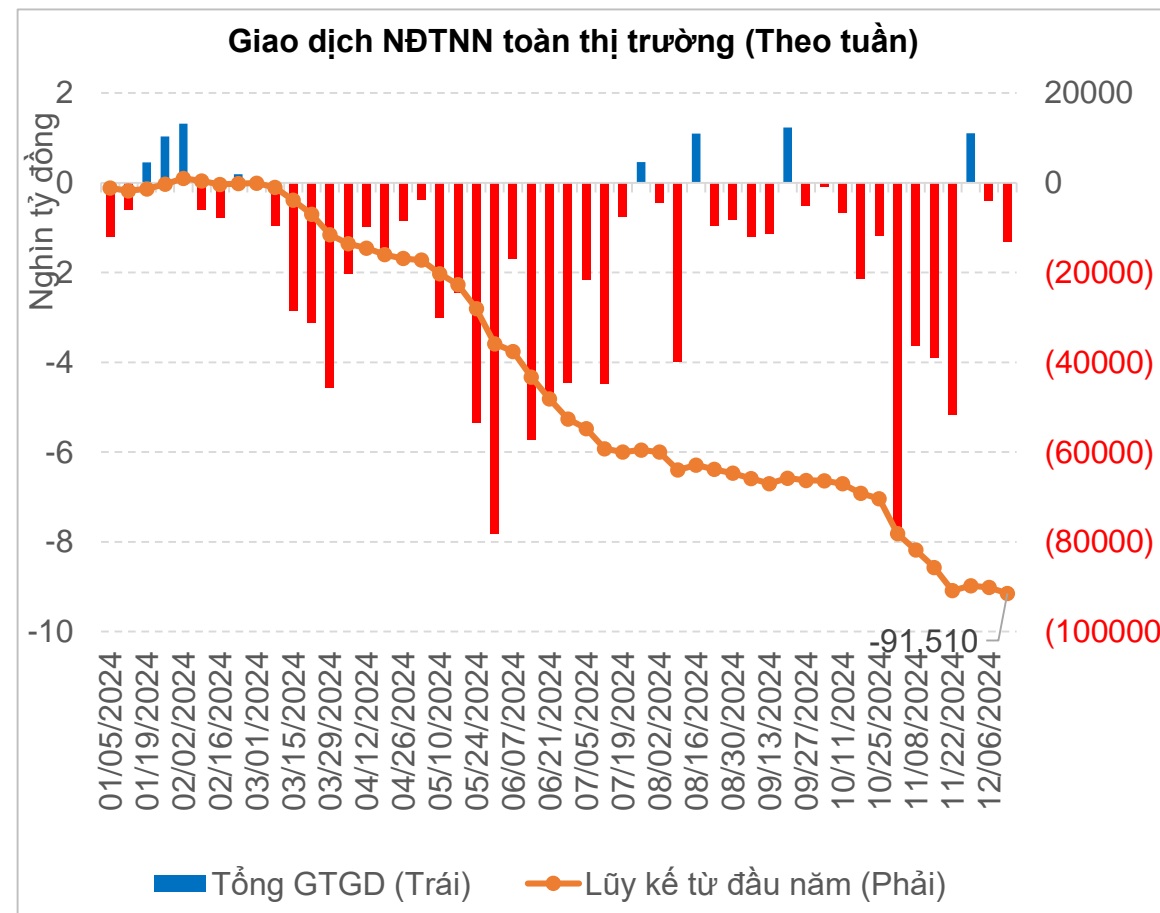
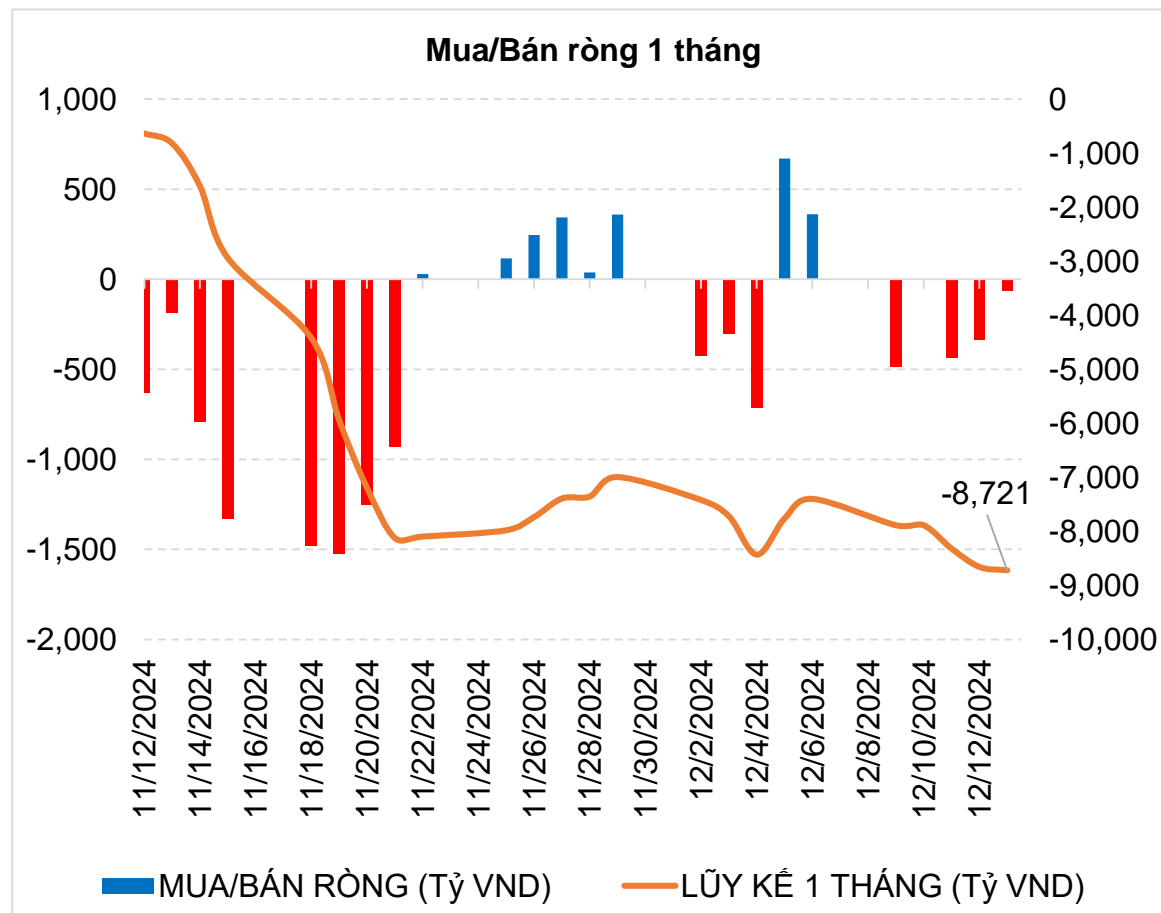
Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.262,57 điểm, giảm -7,57 điểm, tương đương sụt -0,6% so với tuần trước, đánh dấu tuần giảm đầu tiên sau chuỗi tăng 3 tuần liên tiếp, điểm cao nhất trong tuần vừa qua thị trường đạt được ở 1.278 điểm. Nhóm Mdicap và Vn30 cũng giảm lần lượt -0,6% và -0,4%, trong khi đó nhóm Smallcap ngược dòng thị trường để có tuần tăng thứ 3 liên tiếp. Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 16.071 tỷ đồng, giảm -10,2% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng giảm -14,7% còn 12.864 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 12 đạt 16.982 tỷ đồng, tăng +7,6% so với tháng 11 nhưng vẫn thấp hơn -8,3% svck. Lũy kế từ đầu năm đạt gần 21.525 tỷ đồng, tăng +22,9% so với năm 2023.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -1.322 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -91.510 tỷ đồng

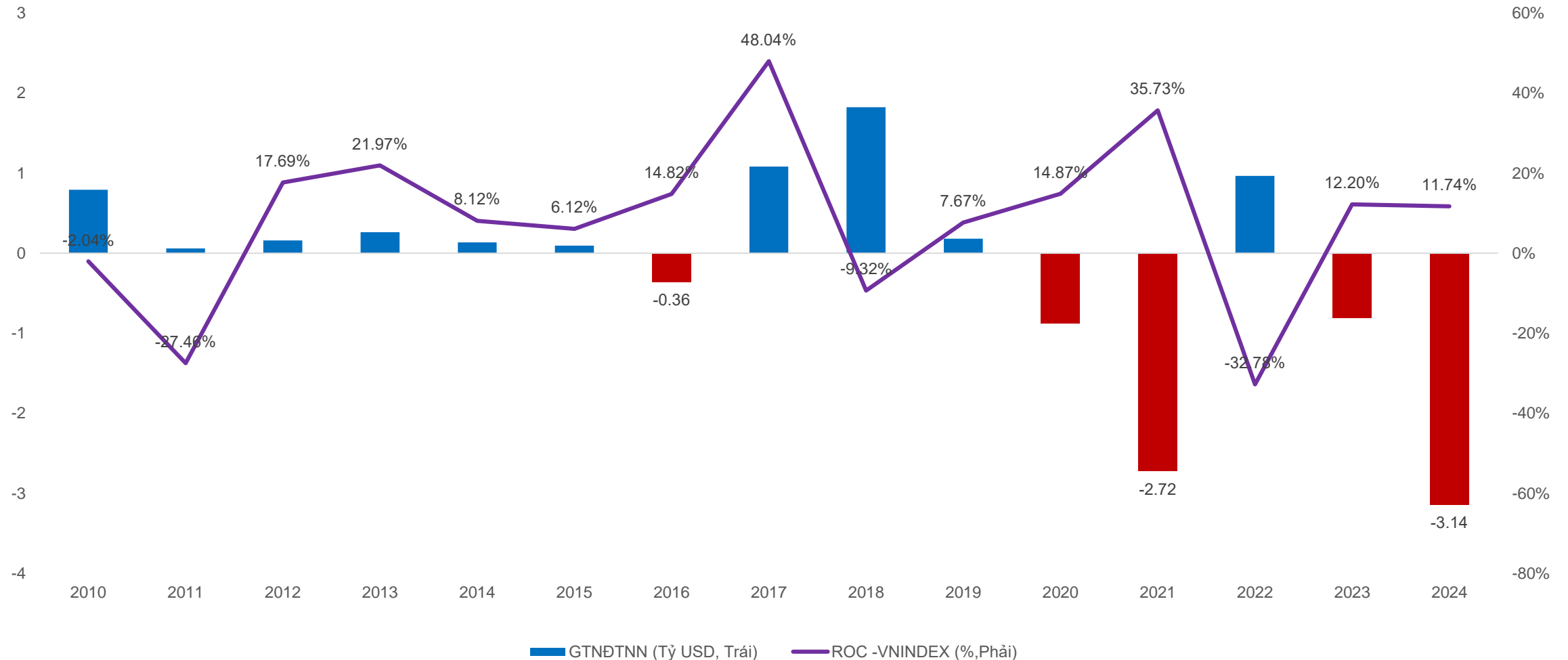


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng 4/5 năm vừa qua, cũng là 4/5 năm chỉ số Vn-Index tăng điểm. Năm nay, khối ngoại bán ròng kỷ lục (3,14 tỷ USD)

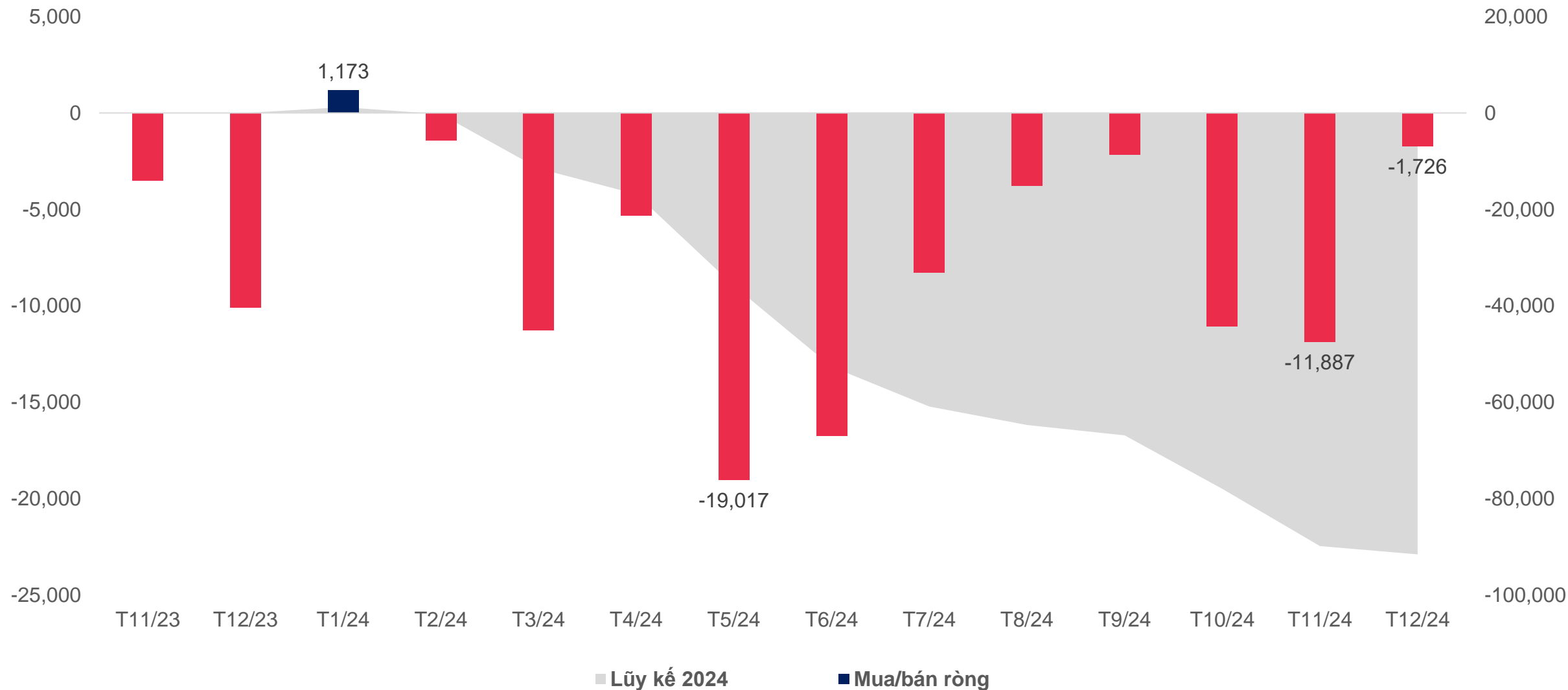
Giao dịch khối ngoại và Vn-Index (2010 -2024)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Trong 20 tháng trở lại đây, khối ngoại duy nhất mua ròng tháng 1/2024 (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Dòng vốn đầu tư quốc tế tiếp tục rút ròng ở nhiều thị trường khi đồng USD tăng trở lại gây sức ép lên các đồng tiền ở khu vực Châu Á

Ngoại trừ Đô la của Hồng Kông mạnh hơn so với đồng USD ở tuần vừa qua, đa phần các đồng tiền khác đều mất giá. Trong vòng 1 tháng trở lại đây, ngoài đồng Yên, Peso của Philippines, đồng Bạt của Thái Lan và Đô la của Hồng Kông mạnh hơn so với đồng USD, đa số các đồng tiền khác vẫn mất giá so với đồng USD. Những diễn biến mới về sức mạnh đồng bạc xanh tiếp tục gây áp lực đến các đồng tiền quốc tế, trong đó có lo ngại mới về khả năng tỷ giá bước vào chu kỳ tăng mới. Nhiệm kỳ đầu tiên của ông Trump có thể cung cấp một số kinh nghiệm cho thị trường. Sau khi vị tỷ phú Mỹ đắc cử hồi năm 2016, đô la Mỹ cũng tăng vọt, đi kèm với sự đi lên của giá cổ phiếu và lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ - một mô hình tương tự những gì diễn ra gần đây.

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Equity							
Asia (11)							
China	30SEP2024			+96,396.3	+70,178.7	+52,199.6	+19,065.2
India	11DEC2024	+23.0	+313.8	+3,224.1	-9,884.8	+1,148.9	+4,632.3
Indonesia	12DEC2024	-136.8	-81.8	-15.0	-1,797.2	+1,452.0	+1,981.7
Japan	06DEC2024		+3,215.3	+3,215.3	+17,991.0	+11,989.9	+13,072.7
Malaysia	12DEC2024	-79.1	-188.4	-359.5	-1,470.7	-664.6	-563.9
Philippines	12DEC2024	-6.5	+5.9	-26.7	-354.0	-331.8	-330.8
S. Korea	13DEC2024	-119.2	+26.7	-131.1	-6,737.4	+3,824.8	+5,474.4
Sri Lanka	12DEC2024	+1.1	+1	-3.3	-15.1	-34.4	-37.0
Taiwan	12DEC2024	-176.8	-825.2	+1,790.7	-5,123.9	-18,464.8	-14,358.3
Thailand	12DEC2024	-45.0	-160.2	-200.1	-1,443.7	-4,024.4	-3,946.6
Vietnam	12DEC2024	-12.3	-44.9	-51.3	-915.1	-3,140.4	-3,280.6

	5 Day	1 Mon	3 Mon	6 Mon	Year-Dt
1) JPY	-2.26	1.30	-8.22	2.32	-8.10
2) PHP	-1.23	0.48	-4.23	0.21	-5.26
3) IDR	-0.91	-1.38	-3.72	1.72	-3.74
4) KRW	-0.84	-2.19	-7.10	-4.29	-10.27
5) MYR	-0.71	-0.05	-3.33	5.83	3.25
6) SGD	-0.44	-0.43	-3.78	0.19	-2.10
7) TWD	-0.36	-0.18	-1.56	-0.55	-5.55
8) THB	-0.16	1.61	-2.33	7.41	0.04
9) INR	-0.12	-0.49	-1.06	-1.47	-1.87
10) CNY	-0.06	-0.58	-2.46	-0.33	-2.42
11) VND	-0.04	-0.19	-3.21	0.19	-4.43
12) CNH	-0.01	-0.57	-2.54	-0.20	-2.19
13) HKD	0.05	0.07	0.31	0.45	0.46



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Thanh khoản giảm, các quỹ ETF cũng ít giao dịch để chuẩn bị cho tuần cơ cấu cuối cùng trong năm vào tuần này

Name	1D Flow (M USD)	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow ↓ (M USD)	1Y Flow (M USD)
Average	-.01	+.02	-1.63	-3.71	-31.41	-32.10
Median	.00	.00	.00	.00	-.61	-.59
1 KIM Growth VN30 ETF	.00	.00	+1.34	+8.20	+40.85	+42.24
2 DCFVMVN Mid Cap ETF	.00	.00	.00	.00	+5.20	+5.42
3 MAFN VN30 ETF	.00	+2.53	+6.14	+6.07	+4.91	+4.85
4 Global X MSCI Vietnam ETF	.00	.00	.00	.00	+1.93	+1.93
5 KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	.00	.00	.00	+1.23	+1.74	+1.74
6 SSIAM VN30 ETF	.00	.00	.00	+33	+08	+08
7 CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
8 Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
9 Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
10 Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam00	.00	.00	.00	.00	.00
11 Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
12 FPT CAPITAL VNX50 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
13 IPAAM VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
14 VinaCapital VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
15 MAFM VNDIAMOND ETF	.00	.00	-3.22	-3.16	-1.22	-1.18
16 KIM Growth VNFINSELECT ETF	.00	.00	+0.05	+0.05	-1.67	-1.67
17 CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	.00	.00	-.12	+.15	-2.17	-2.17
18 SSIAM VNX50 ETF	.00	.00	.00	.00	-2.31	-2.10
19 KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	.00	.00	.00	-2.70	-2.70	-2.70
20 Premia Vietnam ETF	.00	.00	.00	.00	-4.75	-4.75
21 Premia Vietnam ETF	.00	.00	-.72	+38	-10.31	-10.31
22 VanEck Vietnam ETF	.00	.00	-18.68	-28.90	-45.89	-51.31
23 KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	.00	.00	-2.81	-36.85	-63.76	-59.83
24 Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	.00	-.76	-7.48	-18.89	-69.13	-73.15
25 DCFVMVN30 ETF Fund	.00	.00	-11.85	-15.21	-83.36	-83.68
26 SSIAM VNFIN LEAD ETF	.00	.00	+.64	-1.75	-84.12	-86.75
27 Fubon FTSE Vietnam ETF	-.36	-.73	-.73	-24.55	-215.75	-197.62
28 DCFVMVN Diamond ETF	+.13	-.39	-8.15	+11.75	-347.14	-377.72

Dòng tiền ròng của các quỹ ETF (triệu USD)

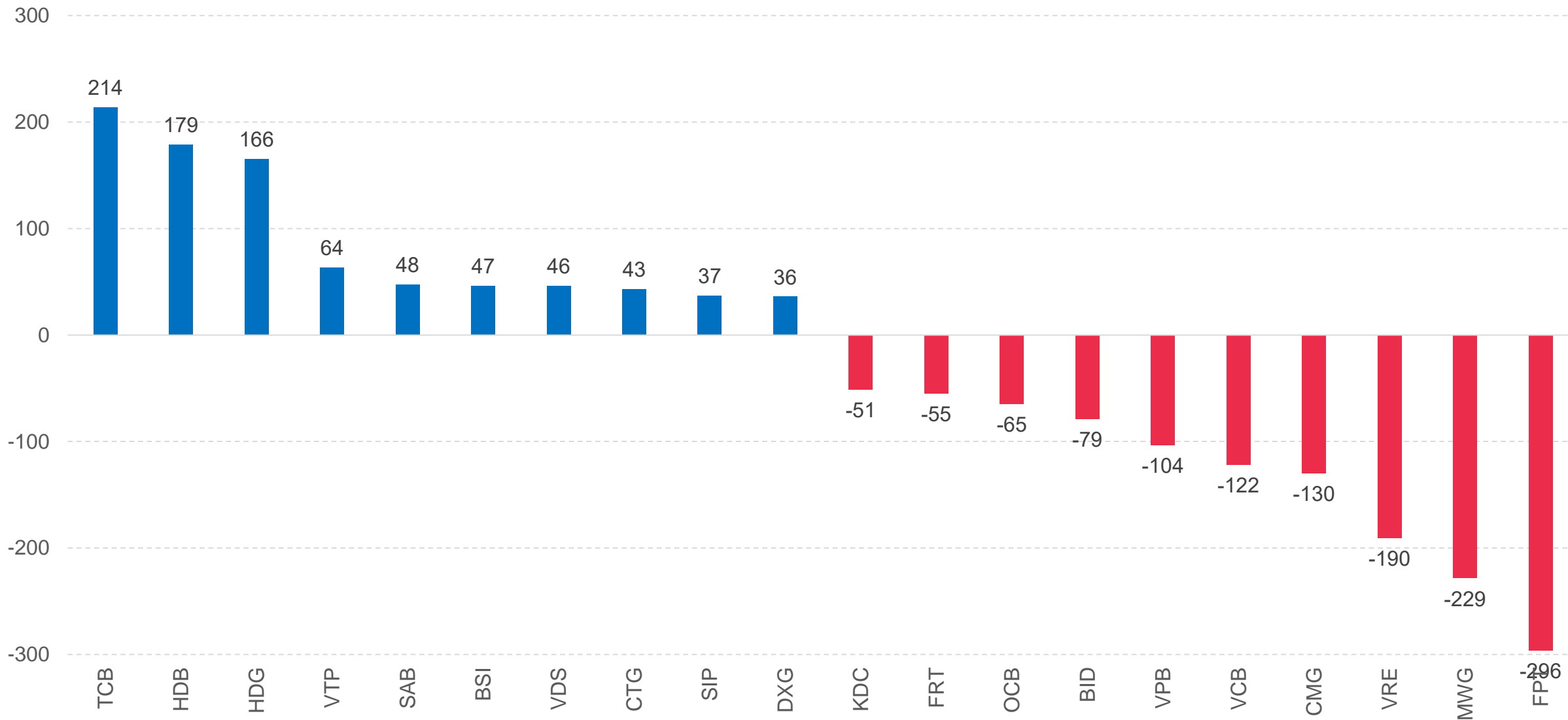
Name	1D Return	MTD Return	YTD Return ↓	1 Yr Return
Average	-0.13%	+1.35%	+7.99%	+8.69%
Median	+0.10%	+1.87%	+16.15%	+17.06%
1 Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam ...	+0.43%	+5.38%	+33.02%	+35.66%
2 MAFM VNDIAMOND ETF	+0.07%	+1.90%	+27.81%	+30.07%
3 DCFVMVN Diamond ETF	+0.30%	+2.49%	+25.95%	+30.59%
4 KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	+0.45%	+5.36%	+25.31%	+23.18%
5 KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	-0.17%	+4.56%	+21.28%	+23.30%
6 DCFVMVN30 ETF Fund	+0.13%	+2.05%	+20.38%	+21.25%
7 KIM Growth VNFINSELECT ETF	+0.16%	+1.19%	+20.00%	+21.72%
8 MAFN VN30 ETF	-0.19%	+1.96%	+19.79%	+23.36%
9 SSIAM VNX50 ETF	-0.20%	+1.84%	+19.16%	+17.06%
10 KIM Growth VN30 ETF	+0.11%	+1.36%	+19.07%	+21.83%
11 SSIAM VN30 ETF	+0.30%	+1.90%	+18.75%	+20.30%
12 Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	+0.35%	+2.65%	+18.72%	+19.77%
13 VinaCapital VN100 ETF	+0.11%	+2.29%	+16.76%	+18.39%
14 SSIAM VNFIN LEAD ETF	-0.09%	+1.32%	+16.15%	+17.17%
15 DCFVMVN Mid Cap ETF	+0.25%	+2.50%	+9.08%	+11.02%
16 Fubon FTSE Vietnam ETF	-0.08%	+1.29%	+0.34%	-0.84%
17 IPAAM VN100 ETF	-5.80%	-3.72%	-1.66%	-1.90%
18 Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	-0.06%	+2.19%	-2.95%	-5.97%
19 Premia Vietnam ETF	-0.20%	+2.63%	-4.76%	-3.83%
20 CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	+0.84%	+1.61%	-5.08%	-4.63%
21 Global X MSCI Vietnam ETF	+0.29%	+1.09%	-5.29%	-5.06%
22 Premia Vietnam ETF	+0.59%	+1.59%	-5.49%	-4.52%
23 CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	-0.34%	+1.84%	-6.85%	-6.65%
24 VanEck Vietnam ETF	-0.17%	+1.28%	-7.82%	-7.87%
25 FPT CAPITAL VNX50 ETF	+0.09%	-4.81%	-12.16%	-12.09%
26 Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	-0.74%	-2.89%	-13.89%	-15.13%
27 Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	-0.94%	-5.26%	-29.86%	-31.60%
28 KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	+1.05%	+2.13%	--	--

Hiệu suất của các quỹ ETF

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



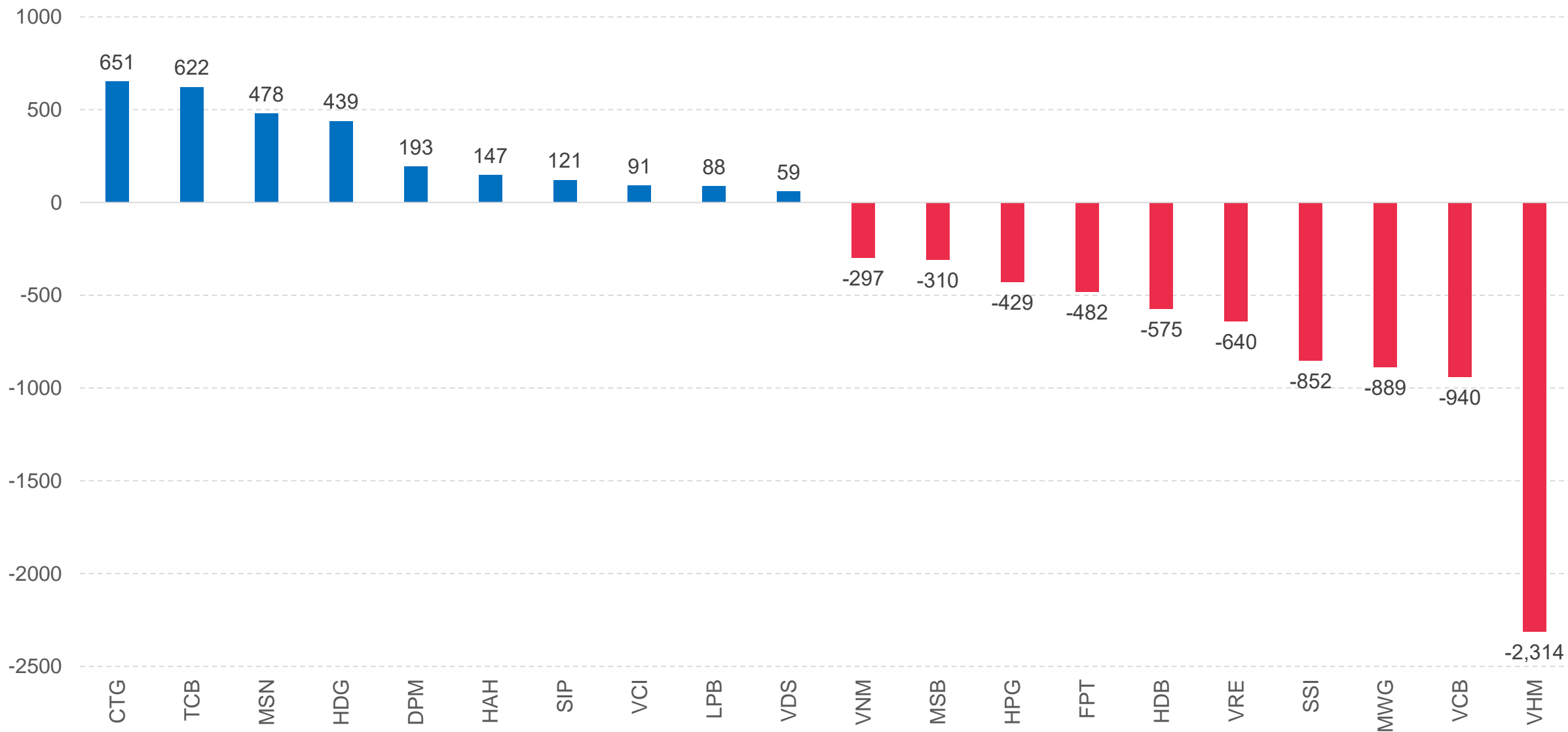
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng 1 tuần (HOSE, Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



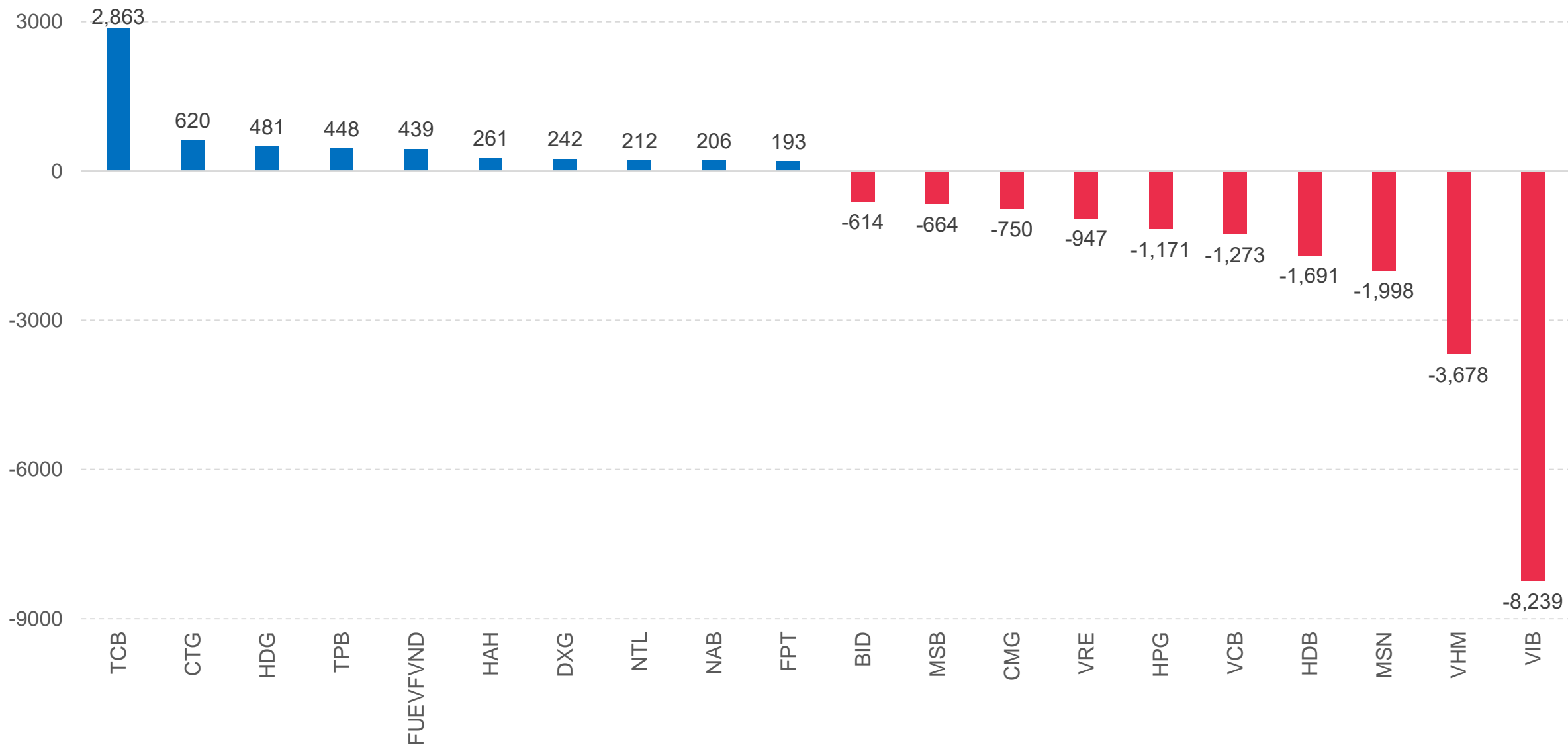
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng 1 tháng (HOSE, Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



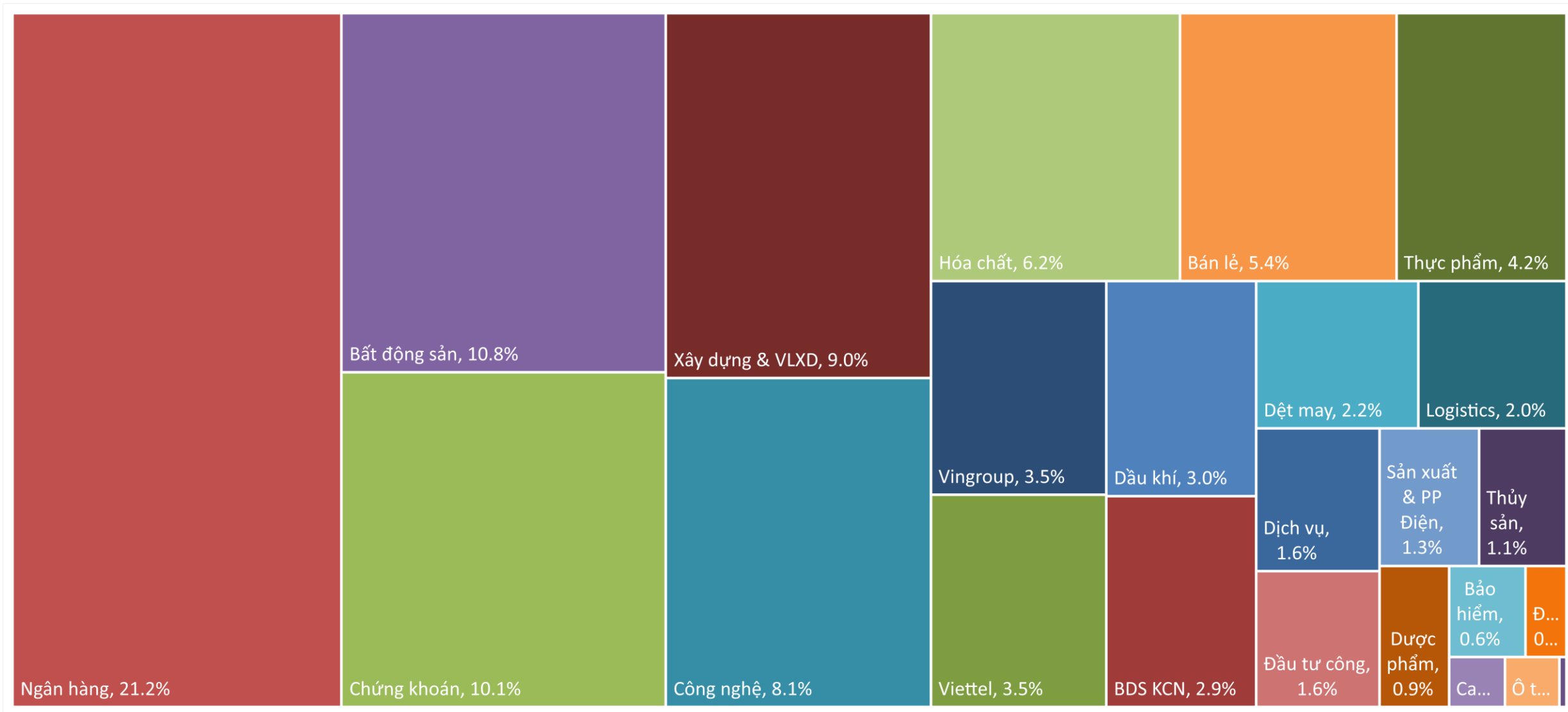
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng 3 tháng (HOSE, Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

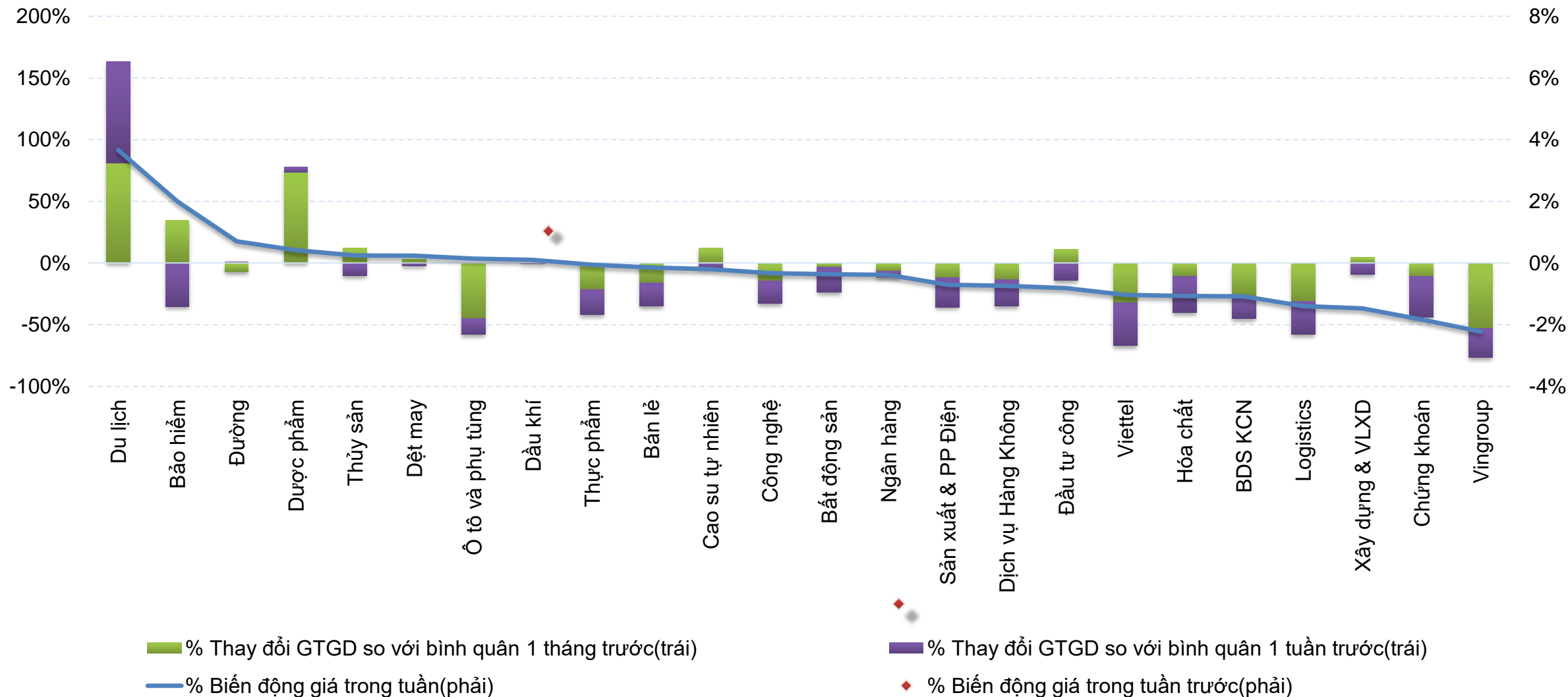


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



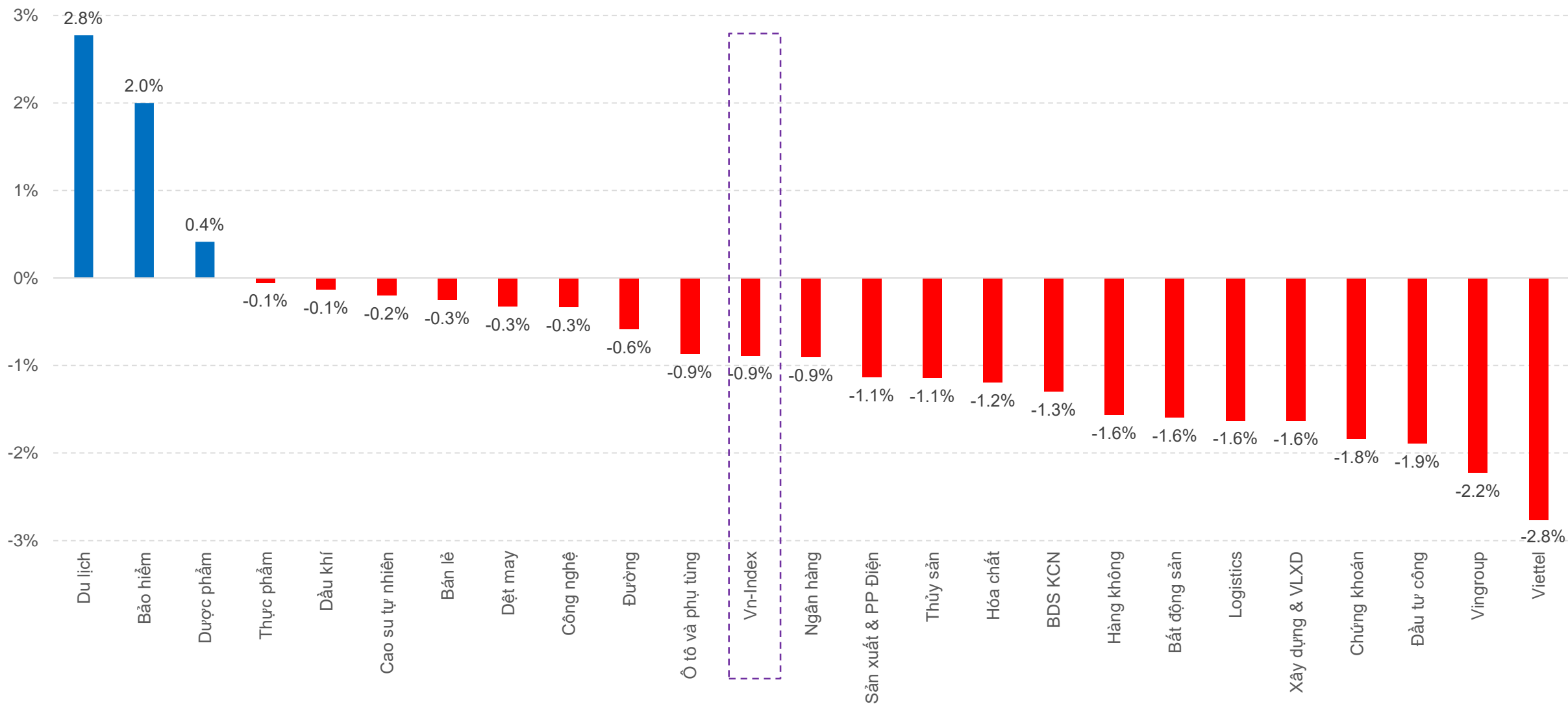
Biến động giá và dòng tiền theo nhóm ngành

Biến động giá và dòng tiền theo nhóm ngành (Theo tuần)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

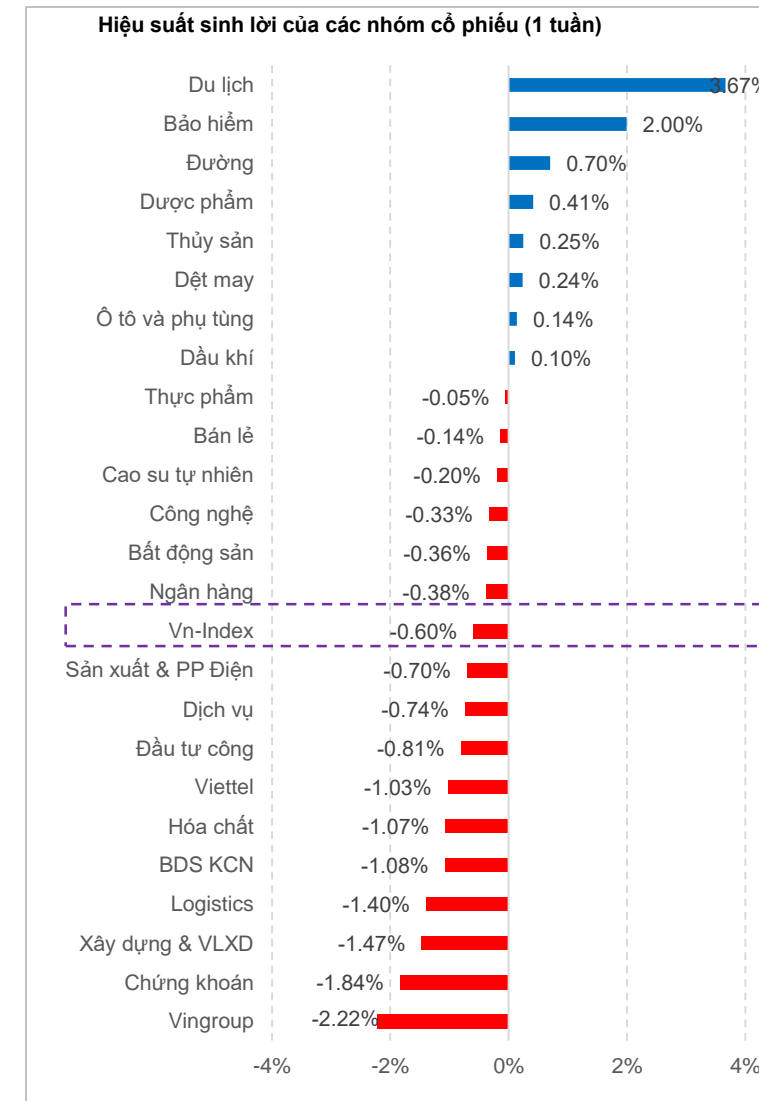
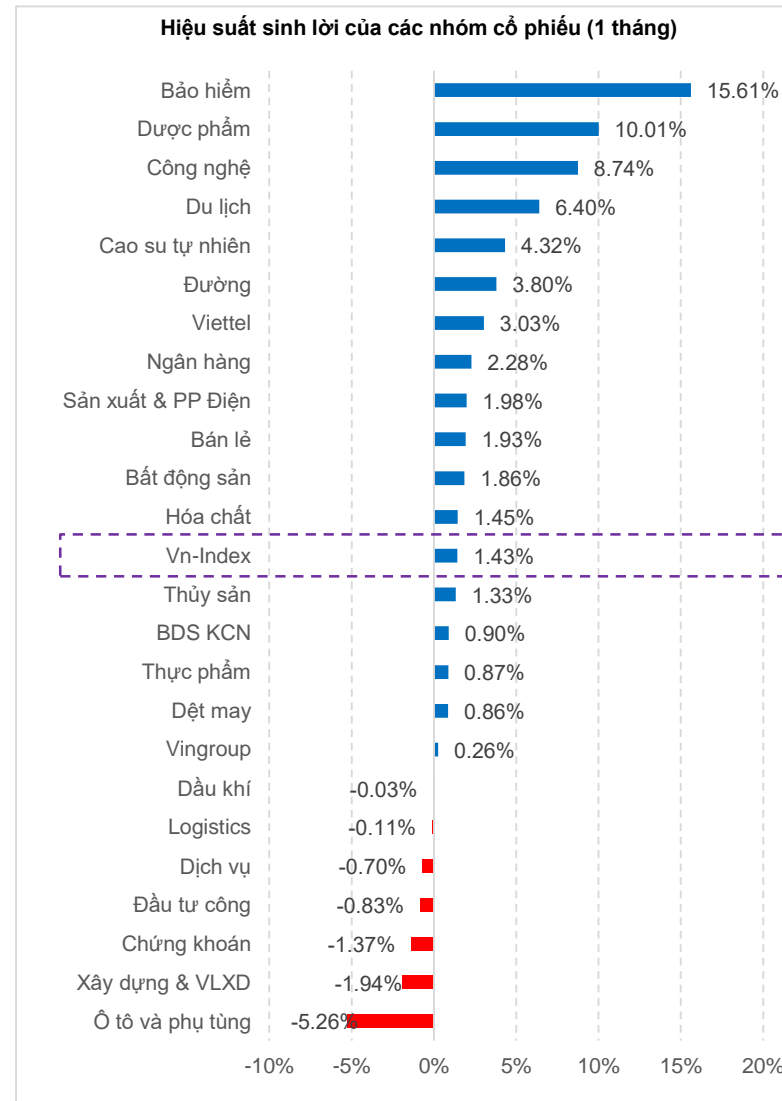
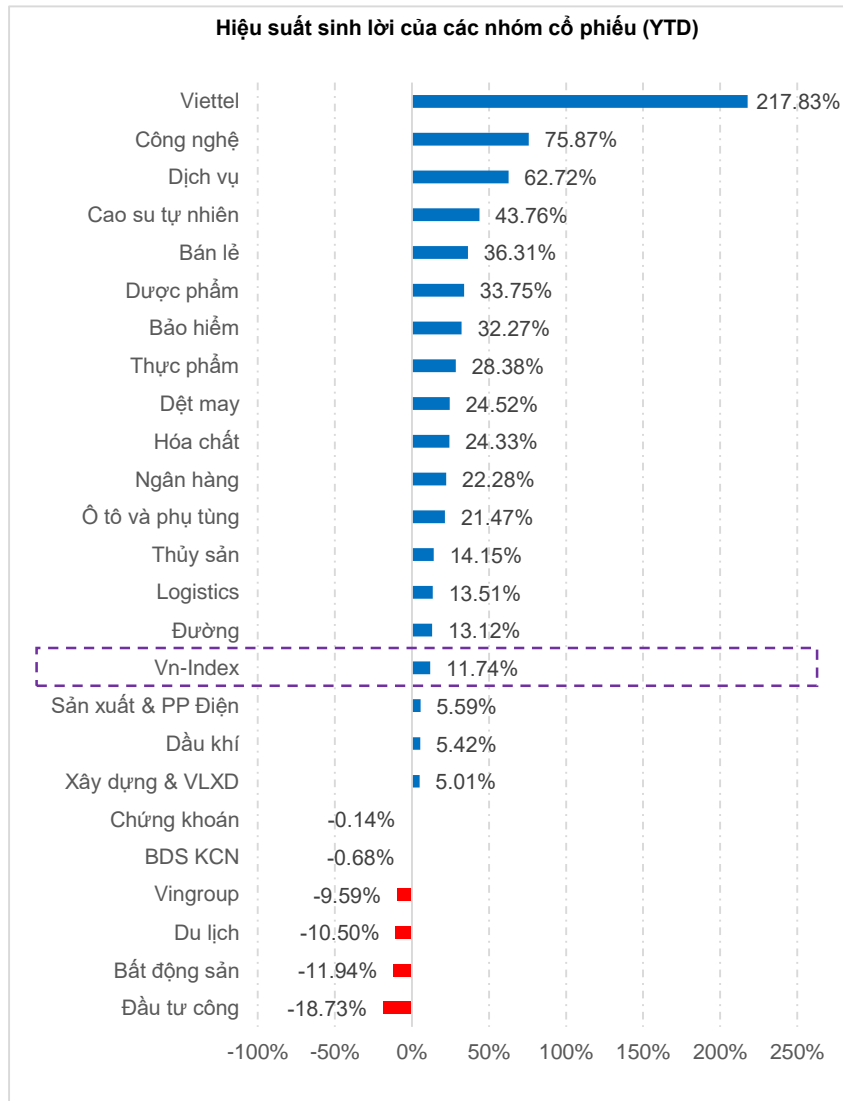
Sau phiên bùng nổ (5/12), nhiều nhóm cổ phiếu không giữ được đà tăng, ngoại trừ: Bảo hiểm, Du lịch, Dược phẩm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Vn-Index chững lại sau phiên bùng nổ (5/12) nhưng vẫn giữ được cụm MA quan trọng ở vùng 1.256 điểm.

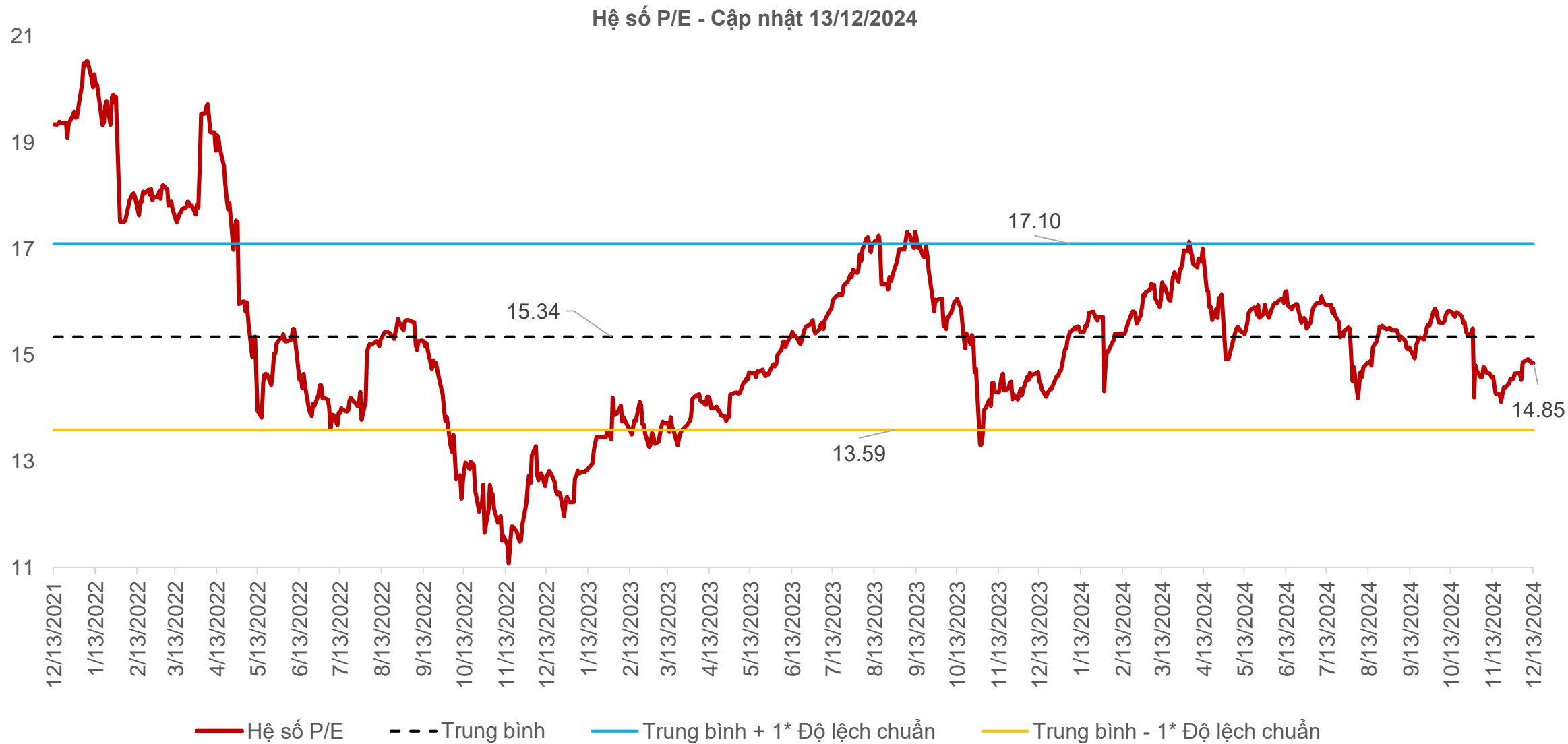
Đồ thị kỹ thuật ngày của chỉ số Vn-Index: Chỉ số Vn-Index đang có hỗ trợ quan trọng ở cụm trung bình (MA50, MA100, MA200): 1.256 -1.259 điểm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 3 năm qua (ttm, lần)



Nhận định thị trường

Thị trường không những không tiến thêm mà còn chững lại sau phiên bùng nổ thuyết phục, dù vẫn nhận được nhiều thông tin hỗ trợ ở giai đoạn cuối năm. Thanh khoản giảm trở thành điểm tích cực trong tuần điều chỉnh vừa qua, cho thấy nhà đầu tư vẫn kỳ vọng nhịp phục hồi chưa kết thúc, qua đó tiếp tục nắm giữ cổ phiếu trong danh mục.

Thị trường vẫn đang được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản như: tăng trưởng tín dụng đến ngày 7/12 cho thấy tăng trưởng tín dụng cả nước đạt khoảng 12,5%, cao hơn so với thống kê cuối tháng 11/2024 (11,9%). Xuất nhập khẩu 11 tháng trên 715 tỷ USD, cán cân thương mại tiếp tục nghiêng về xuất siêu (+24,31 tỷ USD). Trước đó, Chính phủ cũng cho biết tăng trưởng GDP cả năm 2024 có thể vượt 7% và phấn đấu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt khoảng 8% để tạo đà, tạo lực, tạo khí thế thực hiện kế hoạch năm 2026 và cả giai đoạn 2021-2030.

Tuần này, những sự kiện cuối cùng ở trong nước còn tác động đến thị trường như: phiên đáo hạn phái sinh tháng 12 vào thứ 5 và phiên cơ cấu danh mục ETF cuối cùng vào thứ 6 sẽ được tháo gỡ, thị trường sau đó sẽ bước vào tuần cuối năm với thông tin chốt NAV. Đối với các tác động ngoại biên trong tuần này, giới đầu tư đặc biệt quan tâm đến cuộc họp cuối cùng trong năm 2024 của Fed. Diễn biến của cuộc họp này không chỉ định hình xu hướng thị trường những ngày còn lại của năm 2024 mà còn hé lộ những kỳ vọng cho năm 2025. Điểm đáng chú ý của cuộc họp nằm ở bản tóm tắt dự báo kinh tế hàng quý. Báo cáo này sẽ cho thấy cách các nhà hoạch định chính sách đánh giá về lạm phát và thị trường việc làm trong năm tới, cũng như triển vọng tiếp tục cắt giảm lãi suất. Đặc biệt, giới đầu tư đang tập trung vào dot-plot - biểu đồ thể hiện dự báo lãi suất của các thành viên Fed. Những dấu hiệu cho thấy tiến trình giảm lạm phát đang chững lại khi lạm phát lõi (Core CPI) vẫn ở trên mức 3% trong 43 tháng liên tiếp có thể khiến Fed giãn tiến độ hạ lãi suất trong năm 2025. Đây là một vấn đề khiến nhà đầu tư lo ngại, nhất là với các chủ trương chính sách của Tổng thống đắc cử Donald Trump - nếu được thực thi - có thể gây hiệu ứng tăng lạm phát.

Phản ánh khả năng Fed giữ lãi suất cao hơn lâu hơn, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ và Đồng USD tăng giá trong tuần vừa qua sẽ gây sức ép lên tỷ giá USD/VND. Tâm lý nhà đầu tư có lý do để thận trọng trong tuần này trước các sự kiện như trên, diễn biến của thị trường trong tuần này được dự báo sẽ giằng co trên nền thanh khoản thấp dù có hoạt động tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF.

Về kỹ thuật, nhịp phục hồi 3 tuần liên tiếp của chỉ số Vn-Index bị ngắt mạch sau khi không vượt qua ngưỡng 1.276 điểm. Tuy vậy, biên độ dao động và mức điều chỉnh trong tuần vừa qua (-7,5 điểm) là tương đối nhẹ so với mức tăng gần +20 điểm. Bên cạnh đó, dù giảm 4/5 phiên ở tuần vừa qua nhưng chỉ số Vn-Index vẫn trụ vững trên các đường trung bình (MA50, MA100, MA200) ở khu vực 1.256 điểm. Kịch bản cơ bản trong tuần này là thị trường tiếp tục đi ngang trên ngưỡng hỗ trợ này (1.256 điểm) trong bối cảnh nhà đầu tư chờ đợi tín hiệu từ các sự kiện tác động đến thị trường như: Cuộc họp cuối cùng của Fed, phiên đáo hạn phái sinh tháng 12 và các quỹ ETF cơ cấu.

Thời điểm này, dòng tiền đang đi theo câu chuyện như: Xu hướng cổ phiếu công nghệ, viễn thông, triển vọng nâng hạng thị trường năm 2025, tăng trưởng GDP và tăng trưởng tín dụng, xuất khẩu và khả năng dịch chuyển sản xuất đến Việt Nam, đầu tư công và cơ sở hạ tầng khi Quốc hội đã thông qua chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, v.v...

Với câu chuyện đầu tư như trên, kết hợp với dòng tiền quay trở lại sau khi thanh khoản có dấu hiệu tạo đáy ở tháng 11 vừa qua, chúng tôi cho rằng các nhóm cổ phiếu/cổ phiếu có triển vọng ở giai đoạn thị trường phục hồi ở thời điểm hiện tại như: Nhóm cổ phiếu công nghệ, viễn thông, Ngân hàng, Hóa chất/phân bón, Xuất khẩu (dệt may, thủy sản), BĐS KCN, Cảng biển/Logistics, Chứng khoán, v.v...

👉 **Ưu điểm vượt trội:**

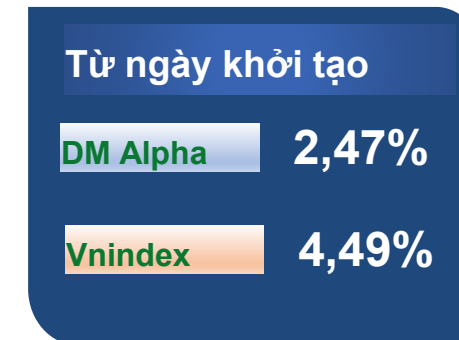
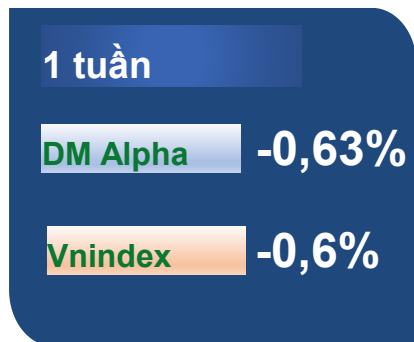
- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 **Luận điểm:**

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha

Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



Danh mục nắm giữ hiện tại

*Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024*

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	HPG	25,400	11/20/2024	29,000	23,300	14.17%	-8.27%	15	12/13/2024	27,200	7.09%
2	DXG	17,000	11/21/2024	20,000	15,000	17.65%	-11.76%	15	12/13/2024	17,800	4.71%
3	CTG	34,750	11/22/2024	38,000	32,000	9.35%	-7.91%	14	12/13/2024	36,350	4.60%
4	REE	68,000	12/3/2024	75,000	61,000	10.29%	-10.29%	6	12/13/2024	66,500	-2.21%

HPG Doanh thu tăng 19% svck lên mức 34,300 tỷ VNĐ nhờ sản lượng tăng trưởng 14% svck và mảng nông nghiệp cải thiện 20% svck Biên LN gộp tăng lên mức 14% (+1.5 điểm % svck và 1 điểm % QoQ) nhờ giá nguyên liệu than và quặng giảm mạnh 8% và 9% svck so với giá bán chỉ giảm 6% svck. Doanh thu tài chính giảm 25% svck về mức 528 tỷ VNĐ trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức thấp.

Chi phí tài chính giảm 40% svck đạt mức 832 tỷ VNĐ nhờ áp lực tỷ giá và lãi vay hạ nhiệt. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng đạt 720 tỷ VNĐ (+30% svck) do áp lực tăng đến từ chi phí vận tải. Chi phí QLDN tăng nhẹ 5% svck lên mức 321 tỷ VNĐ.

Nhờ biên gộp tiếp tục cải thiện, LN ròng của HPG tăng 51% svck lên mức 3,021 tỷ VNĐ. Lũy kế 9T/24, LN ròng đạt 9,212 tỷ (+138% svck và đạt 92% kế hoạch LN cả năm).

Tiến độ hiện tại của DQ2: DQ2 đã gần như hoàn thành lắp đặt các dây chuyền chính của phân kì 1 và đạt 50% của phân kì 2. Lò cao đầu tiên sẽ chạy thử từ Q4/24 và phân kì 2 dự kiến sẽ hoàn thành vào Q4/25.

DXG - Doanh số kí bán của DN dự kiến tăng trưởng 203%/42% svck nhờ động lực tăng trưởng từ giai đoạn 2 dự án GSW và Riverside. Dự án Riverside có thể được hưởng lợi trong bối cảnh nguồn cung căn hộ thiếu hụt tại HCM.

- LN ròng tăng trưởng 37%/137% svck lên mức 417/946 tỷ VNĐ nhờ đóng góp của dự án GSW và Riverside

Riverside trở thành động lực tăng trưởng chính của DXG trong 2025 – 2026 và

- Định giá hiện tại của DN đang thấp hơn 38% so với mức định giá hợp lý.

CTG - TOI trong Q4/24 ghi nhận ở mức khoảng 16k tỷ, giảm 11% so với cùng kỳ chủ yếu do NIM giảm khiến NII giảm nhẹ svck. Tuy nhiên, nhờ CIR cải thiện và chi phí trích lập đi ngang nên LNST của CTG trong Q4/24 tăng 21.8% svck.

- Dự báo LN cả năm 2024 sẽ tăng khoảng 15.4% sv 2023 và duy trì cho năm 2025.

- Định giá hiện tại P/B 1.3x, thấp hơn nhiều so với BID (2.0x) và VCB (2.6x).

REE LN ròng Q3/24 tăng 7% svck, hỗ trợ bởi LN thủy điện cải thiện từ nền thấp, bù đắp cho đà giảm ở hầu hết các mảng kinh doanh cốt lõi. LN ròng 9T24 giảm 22% svck, thấp hơn so với kỳ vọng hoàn thành 63% dự phóng cả năm của chúng tôi. Thủy điện phục hồi cùng triển vọng mảng BĐS dự kiến hỗ trợ LN ròng 2025-26 tăng trưởng kép 15% sau khi ghi nhận LN ròng giảm 7.7% trong 2024.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		(0.60)	1.43	11.74
1	VCB	522.58	(1.17)	1.31	15.94
2	VGI	273.03	(0.88)	2.63	247.29
3	BID	265.64	(0.43)	0.22	6.91
4	ACV	259.71	(1.23)	(1.64)	81.82
5	FPT	220.95	0.00	10.05	81.42
6	CTG	194.93	0.28	5.36	34.13
7	HPG	175.90	(1.45)	(1.09)	7.07
8	TCB	171.32	0.83	5.64	57.91
9	VHM	167.38	(2.05)	0.87	(5.90)
10	MCH	163.04	0.71	2.95	188.55
11	GAS	160.47	(1.16)	2.01	(0.48)
12	VIC	156.39	(2.51)	0.62	(8.52)

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
13	VPB	153.12	(1.03)	0.26	5.04
14	VNM	135.01	0.16	(1.08)	(0.53)
15	MBB	128.94	(0.41)	0.62	32.89
16	GVR	126.60	(2.03)	(3.67)	49.49
17	ACB	113.01	(1.95)	1.21	25.25
18	MSN	103.71	(3.13)	(1.93)	6.12
19	MWG	87.71	(0.16)	0.33	43.66
20	LPB	84.66	(3.21)	4.57	110.48
21	HDB	83.53	5.85	10.15	45.76
22	SAB	73.75	(0.52)	1.41	(3.52)
23	BCM	69.86	0.59	(0.15)	9.27
24	BSR	66.66	7.14	9.22	24.54
25	STB	63.72	0.59	1.34	21.65

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		(0.60)	1.43	11.74
26	HVN	59.35	1.15	4.95	116.33
27	VIB	56.90	0.00	4.90	21.72
28	MVN	56.55	6.64	2.87	151.89
29	VJC	55.73	(0.39)	(2.01)	(5.19)
30	SSI	51.01	(2.09)	0.39	0.68
31	VEA	50.89	0.52	(5.20)	25.94
32	PLX	50.06	(4.33)	(1.78)	16.56
33	SSB	49.33	0.58	4.20	(17.61)
34	FOX	47.72	(2.65)	0.53	89.13
35	DGC	44.21	(0.26)	2.11	25.04
36	TPB	43.20	0.00	0.93	15.05
37	VRE	39.31	(1.98)	(3.61)	(25.54)

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
38	BVH	39.27	2.31	20.45	37.83
39	SHB	38.46	0.48	(0.48)	0.54
40	EIB	36.79	5.91	6.20	16.80
41	KDH	34.93	1.92	2.99	20.65
42	PNJ	32.71	0.62	4.08	15.10
43	REE	31.09	(1.92)	1.06	36.80
44	MSB	30.03	0.00	(1.28)	15.73
45	POW	28.81	(1.61)	4.70	8.89
46	VEF	28.41	(2.42)	(15.77)	54.89
47	OCB	27.74	0.46	1.40	(1.59)
48	GMD	27.49	(2.23)	0.00	12.75
49	SSH	24.98	(1.33)	(0.30)	3.74
50	FRT	24.86	0.22	7.63	70.00

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đình Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Nguyễn Đức Hào

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng